

29- HAI VỢ CHỒNG PHÁT TÂM

Lúc Đức Phật còn tại thế, chư tăng phải ôm bát đến nhà của tín chúng mà khát thực món ăn thức uống của mình, vì theo quy tắc của tăng đoàn Ấn Độ lúc bấy giờ, chư tăng không được nhóm lửa nấu ăn.

Có một hôm, Đức Phật đưa chúng đệ tử ôm bát vào thành, đến trước cửa nhà vợ chồng người Bà La môn nọ, Ngài đứng yên bất động.

Đúng lúc ấy, trong nhà, người vợ đang nấu bếp, bỗng nhiên thấy bốn phía ánh sáng rực ngời, mà ánh sáng này không giống với ánh sáng mặt trời hay mặt trăng, vì chiếu tới thân thì tự nhiên có cảm giác êm ả, khoẻ khoắn.

Người đàn bà quay đầu lại nhìn mới biết là Đức Phật và chư đệ tử đang đứng trước cửa nhà mình. Bà thấy tướng hảo trang nghiêm của Đức Phật cùng dáng điệu uy nghi của chư tỳ kheo, tức thời sinh lòng hoan hỉ tôn kính, muốn đem nồi cơm mới nấu dâng lên các Ngài nhưng chợt nhớ lại người chồng ngu muội không tin Phật, nếu ông này thấy bà cúng dường Như Lai thì chắc chắn sẽ không vui.

Bà cảm thấy buồn rầu, ân hận nghiệp chướng mình đã tạo nên khiến kiếp này sinh làm thân đàn bà, đâu đâu cũng bị người khác chỉ huy điều khiển, không tự do, không tự sinh sống được.

Khi buồn than như thế lòng tin và dũng khí của con người thường tăng trưởng lên. Vì thế lòng tin của người đàn bà Bà La Môn nọ đối với Đức Phật càng thêm kiên cố. Bà nghĩ ra một cách, bèn lấy chén đựng cơm ra chắt lấy nước, và đem một thìa nước chắt cơm ấy lên cúng dường Phật. Đức Phật hoan hỉ đón lấy và nói kệ rằng:

Đem trăm voi trắng

Đeo chuỗi anh lạc

Cùng ngọc châu sáng

Để mà bố thí

Công đức không bằng

Cúng dường Như Lai

Một thìa nước chắt.

Lúc ấy người chồng Bà La Môn từ trong nhà bước ra, thấy nghe mọi sự, lấy làm quái lạ bèn hỏi Đức Phật rằng:

- *Một thìa nước cơm chắt ấy thì trị giá được bao nhiêu, có cái gì quý báu đâu? Ông nói như thế tức là khi đối người ta, làm sao bảo người ta tin ông được?*

Đức Phật hòa nhã đáp:

- *Ta từ lâu xa đến nay tu lục độ chưa lúc nào ngừng, nên điều gì ta làm hay nói ra đều là chân thật, không hư dối, ông nên tin ta là Phật, đã chứng thánh quả.*

Đức Phật ngừng một lúc rồi nói tiếp:

- *Tại đường La Duyệt trong thành Xá Vệ, ông đã từng thấy cây Ni Câu Đà cao hơn mười trượng chưa?*

- *Tôi biết, đó là một ngọn cây rất lớn, mùa hè là nơi duy nhất mà người ta có thể tới trốn nắng.*

Đức Phật lại hỏi:

- *Ông đã biết ngọn cây ấy lớn tới đâu, bây giờ ta hỏi ông, lúc ban đầu hạt mầm gieo xuống to cỡ chừng nào?*

- *To chừng một hạt giới tử thôi.*

Người Bà La Môn trả lời không cần suy nghĩ.

- *Hạt mầm chỉ to chừng một hạt giới tử, mà có thể mọc thành một ngọn cây đa che nửa bầu trời, ông có thể nói đó là một điều kỳ dị hay không? Không có gì kỳ dị trong ấy cả, đó là định luật tự nhiên, là luật tuần hoàn nhân quả. Hôm nay, hai vợ chồng ông đem thìa nước chắt cơm ra bố thí thì kết quả thu hoạch được ở tương lai không phải là không tính*

lường được hay sao? Huống chi ta là ruộng phước lớn của công đức vô thượng, có đủ pháp bảo thù thắng. Các người cung kính cúng dường Phật, thì phước báu trong tương lai không có hạn lượng.

Đức Phật thuyết lời thành thật ấy khiến hai vợ chồng Bà La Môn hết sức sùng kính khâm phục, từ đó hai người rất nhiệt thành trong việc thiết trai cúng dường. Khi kết liễu mạng sống, họ được sinh lên cõi trời, hưởng phúc lạc lâu dài của cõi ấy.

Không nhất thiết phải giàu có mới bố thí được, vì trong Phật giáo, không phải chỉ có đem tiền tài ra cho mới gọi là bố thí. Nếu bạn thấy một người thực hành bố thí mà trong tâm không sinh lòng ganh ghét, sân hận mà trái lại sinh tâm hoan hỷ, thì công đức của bạn cùng với công đức của người bố thí kia ngang nhau. Điều thiện ấy thật quá dễ làm, sao chúng ta lại không chịu làm?

Đức Phật nói với mọi người rằng:

- Hai vợ chồng Bà La Môn bố thí một thìa nước cơm chắt ấy không những hiện tại sinh cõi trời hưởng phúc, mà vĩnh viễn sẽ không đọa ác đạo nữa. Rồi sau 30 kiếp, họ sẽ giáng sinh xuống nhân thế và sẽ thành Phật giữa loài người.



30- HẰNG GIÀ ĐẠT

Thưở xưa, tại trung Ấn Độ có một quốc gia tên là Ba La Nại, thủ tướng của nước này giàu có nhất thiên hạ, gia sản lên tới tiền ức bạc triệu, nhưng hai vợ chồng đã lớn tuổi mà chưa cho đũa con nào. Tông đường không người nối dõi, tài sản kếch sù không ai thừa kế, hai vợ chồng rất lấy làm lo lắng, đi cầu tự khắp nơi. Cuối cùng trời không phụ lòng người, đến 50 tuổi thì họ sinh hạ được một thằng con trai bụ bẫm trắng trẻo, đặt tên là Hằng Già Đạt.

Đứa bé sinh ra mặt mũi thanh tú như một thiên thần, ai thấy cũng phải thương, lại là con muện nên được cha mẹ cưng chiều hết mực, coi như hòn ngọc trong tay Tuy Hằng Già Đạt có một cuộc sống như một ông hoàng con, nhưng không hề vì thế mà trở nên hư hỏng, trái lại lúc nhỏ học giỏi và luôn luôn cầu tiến, hướng thượng.

Lớn lên, một hôm Hằng Già Đạt đột nhiên xin cha mẹ cho phép mình xuất gia, nhưng làm sao vợ chồng thủ tướng chấp thuận cho thằng con quý tử làm một điều như thế? Thấy cha mẹ không chấp thuận, Hằng Già Đạt rất buồn bã, chàng thấy không được xuất gia thì đời này thật không có ý nghĩa, vì thế chàng muốn xả bỏ mệnh sống này, tái sinh sang một kiếp khác để có thể sống cuộc đời xuất gia.

Ban đầu chàng leo lên một đỉnh núi gieo mình xuống vực đá sâu kết liễu cuộc đời, nhưng quái lạ quá, khi chàng rơi xuống thì lại hoàn toàn bình an, không chút thương tích. Lần thứ hai, chàng lại đến bờ biển lớn nhảy xuống đáy, nhưng khi chàng rơi xuống nước rồi thì cũng thật lạ lùng, nước cuốn chàng đi và đẩy lên bờ. Lần thứ ba, chàng uống thật nhiều thuốc độc rồi nằm dài xuống thảm cỏ chờ chết, nhưng sau một đêm chàng thức dậy mạnh khỏe như thường. Cuối cùng chàng nghĩ ra một giải pháp mới. Chàng thường nghe nói người nào phạm pháp thì sẽ bị chém đầu, nên chàng muốn kết liễu đời mình bằng cách đó.

Lúc ấy, hoàng hôn vừa vãn buông xuống, vua A Xà Thế đưa rất nhiều cung nữ đến một khu vườn có một hồ nước để cùng nhau tắm. Trước khi xuống nước, các cô cởi bỏ y

phục để trong một rừng cây. Vừa khéo Hằng Già Đạt cũng đi ngang qua đó, thấy rất nhiều xiêm y, biết là của các cô cung nữ, bèn cố ý lấy trộm và ôm chông xiêm y ấy trong tay từ từ bước ra khỏi rừng, nên dĩ nhiên bị người canh vườn trông thấy, lập tức bắt giữ chàng lại và đưa ra cho vua xử tội. Vua A Xà Thế nghe chuyện nổi giận lôi đình, rút cung tên ra muốn bắn chết tội nhân, nhưng lạ lùng thay, tên vừa bắn ra thì quay đầu lại, vua bắn ba lần thì mũi tên cũng quay đầu lại ba lần. Vua thấy thế rất lấy làm kinh dị, bèn hỏi Hằng Già Đạt rằng:

- *Người từ đâu đến? Là người cõi trời hay là giống rồng?*

- *Tâu hoàng đế, thần không phải là người của thiên giới cũng không phải từ long cung đến. Thần là con trai của thủ tướng, muốn xin xuất gia nhưng cha mẹ không chấp thuận, nên thần đi khắp nơi tìm cái chết mà chưa được như ý. Nay cúi xin hoàng đế bắn chết thần đi!*

Vua nghe xong, bao nhiêu sân hận tiêu tán, còn hoan hỉ nói:

- *Tốt lắm! Người đã muốn xuất gia thì ta đưa người đến diện kiến Đức Phật. Đức Phật như người cha lành, thế nào cũng sẽ thu nhận cho người xuất gia.*

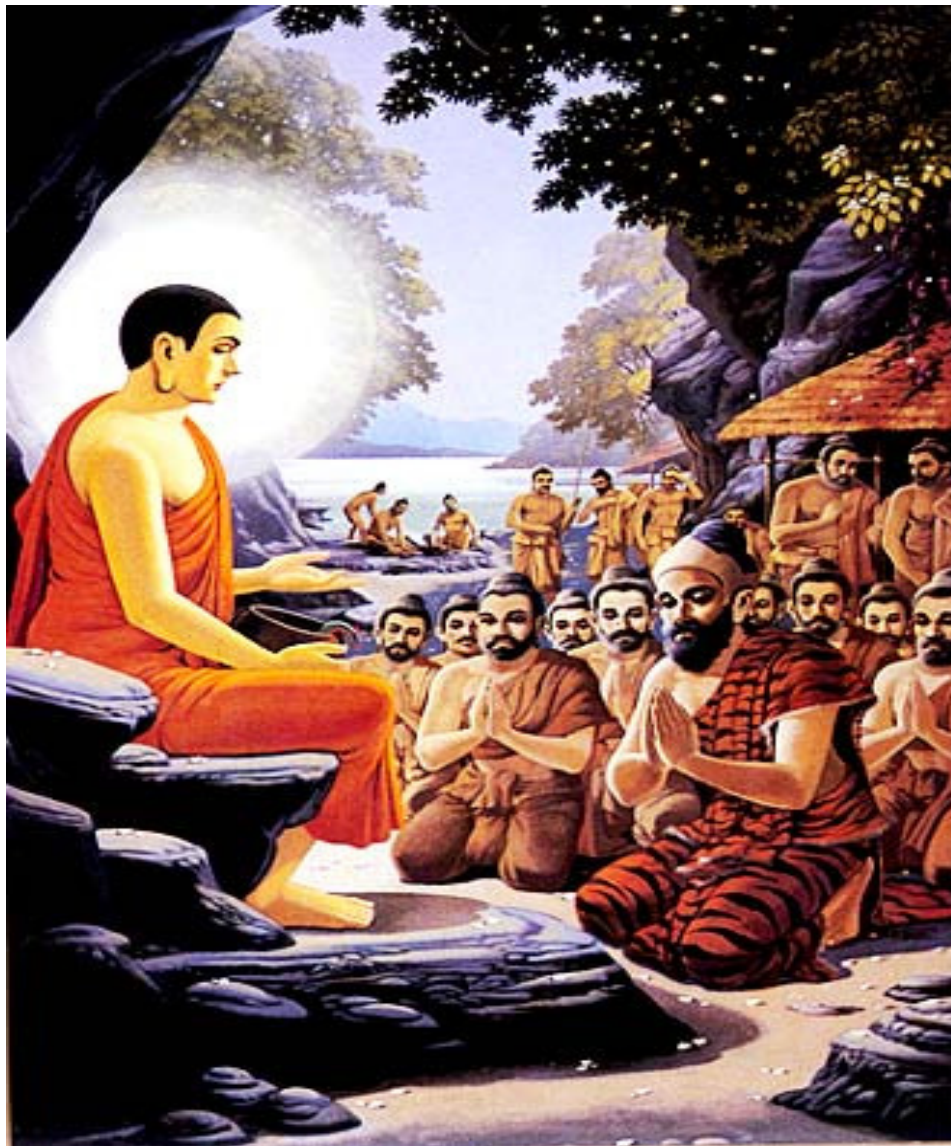
Thế là Hằng Già Đạt được xuất gia học đạo với Đức Phật, vì do vua giới thiệu nên cha mẹ chàng không cản được nữa. Không lâu sau, dưới sự chỉ dạy của Đức Phật, chàng đạt được quả A La Hán.

Thấy Hằng Già Đạt đắc quả một cách nhanh chóng như thế, rất nhiều người rất lấy làm quái dị. Đức Phật biết được những gì mọi người nghĩ nên một hôm, Ngài thuyết về nhân duyên kiếp trước của Hằng Già Đạt cho mọi người nghe :

- *Rất lâu xa về trước, ở miền bắc Ấn Độ có một vị vua tên là Phạm Ma Đạt. Một hôm, vua đưa rất nhiều cung nữ ra vườn chơi đùa ca hát. Tiếng hát du dương của bọn cung nữ vang ra phía ngoài vườn, có một người nghe được thích quá bèn cao giọng hát theo. Tiếng hát đột ngột ấy vang đến tai vua, vua không bằng lòng ra lệnh bắt người ấy và đưa ra pháp trường chém đầu.*

Đúng lúc ấy, có một vị đại thần cũng vừa đến nơi, nghe rõ nguyên nhân, biết rằng tội nhân vì không biết mà làm nên tội, thương tình người này ngu si nên tìm đến trước mặt nhà vua cầu xin tha tội cho hắn.

Vị đại thần đã cứu mệnh cho một người không quen không biết ấy, vì có chút lòng nhân từ nên sau khi xá mệnh được sinh lên thiên giới, hưởng thụ tất cả những vui sướng của cõi trời xong lại sinh xuống làm người, có nhân duyên với Phật, được xuất gia với Phật và thành đạo rất mau chóng. Hỡi chư vị đệ tử! Vị đại thần cứu người đó chính là Hằng Già Đạt hôm nay Vì thế, cứu một mạng người thì đời đời kiếp kiếp sẽ được người cứu.



31- HIỂU ĐẠO VÀ TU ĐẠO

Có hai anh em nhà nọ cùng xuất gia với Đức Phật. Họ tu một thời gian thì từ từ tách nhau ra, mỗi người rẽ sang một lối khác biệt nhau. Người anh thì rất tinh tấn hành đạo, còn người em thì hết sức cố gắng hiểu đạo.

Sau một vài năm người thì chăm chỉ sớm tối, người thì chỉ lo nghiên cứu, cả hai đều có chỗ thành đạt. Người anh thì chứng quả A La Hán, người em thì đã thâm nhập ba tạng kinh điển của Phật pháp.

Tuy nhiên, người em thường cho là mình học rộng nghe nhiều, tự vỗ ngực khoe khoang tỏ ra thông minh, làm cho mọi người phải biết đến tên mình, cho rằng như thế mới là vinh dự. Khi người anh biết điều ấy rất lấy làm lo lắng cho em, cảm thấy sự thành công của em mình không có triển vọng tốt đẹp, nên có lần khuyên nhủ em rằng:

- Thân người khó được, gặp Phật tại thế cũng rất khó. Chính Đức Phật đã có nói, cơ hội mất thân người thì ví như mặt đất mênh mông, còn cơ hội được thân người thì ví như chút bùn dính trên móng tay. Bây giờ hiền đệ đã có thân người, nên lấy việc tu hành làm trọng, việc tìm hiểu để sau, hiền đệ phải hết sức thận trọng chọn lựa việc ưu tiên mà làm.

Người em nghe nói thế không thấy anh mình có lý nên bỏ ngoài tai, còn bác bỏ rằng:

- Điều huynh nói, đệ nghĩ rằng không hẳn đã đúng. Đệ cảm thấy sự hiểu biết về Phật pháp của đệ tuy chỉ như giọt nước trong biển cả, và tuy chưa vào được cốt tủy của đạo, song đã đi thì phải đi cho trót. Đợi đệ tinh thông tam tạng giáo nghĩa, đảm nhiệm chức vị "thầy của trời người", sau đó tu hành cũng chẳng muộn.

- Nhưng đời người vốn vô thường ngắn ngủi, lỡ như hiền đệ chưa học xong tam tạng giáo nghĩa đã bị vô thường cuốn mất thì sao? Cho nên chuyện tu hành là chuyện cấp bách nhất!

Nhưng người em vẫn chấp chặt vào ý kiến của mình, không chịu nghe lời khuyên của anh. Không lâu sau, người em mắc phải một cơn bệnh quái dị, không có thuốc nào cứu

chữa chỉ còn chờ chết. Biết là không thể nào thoát chết, người em vô cùng khiếp sợ nói với người anh rằng:

- Lúc trước tiểu đệ ngu si đui mù, không chịu nghe lời khuyên bảo của hiền huynh. Bây giờ đứng trước cửa tử, tu hành không kịp nữa rồi!

Người em nói mà nước mắt dàn dụa, xin lỗi anh và không lâu sau trút hơi thở cuối cùng. Người anh niệm tình anh em, bèn nhập định quan sát xem người em đầu thai đi về chốn nào. Khi thấy người em đã thác sinh vào nhà một ông trưởng giả, người anh bèn nghĩ đến chuyện cứu độ em.

Nhà của người trưởng giả ở gần một ngôi chùa, người anh về đây tu để dò xét chờ đợi cơ hội cứu độ em.

Người em trong đời sống mới vừa lên ba tuổi, bèn được người anh quy y cho và dạy cho niệm Phật. Đó là một đứa bé thông minh khéo léo, học đâu biết đó nên được mọi người yêu mến.

Khi nó được bốn tuổi, một hôm được bà nữ mẫu bồng lên chùa trên núi thăm sư phụ. Chùa tọa lạc trên một ngọn núi cao, các bậc thang bằng đá thì khúc khuỷu gập ghềnh, bà nữ mẫu bồng đứa bé trong lòng sơ ý vượt tay, đứa bé rơi xuống núi, máu đổ thịt rơi, thân hình tan tác, chết một cách thê thảm.

Trong ngay cái sát na nó lìa đời, trong tâm sinh khởi niệm ác, oán hận bà nữ mẫu ôm mình không cẩn thận khiến cho mình gặp tai nạn như thế này. Vì cái niệm sân hận trong tâm đó nên chết rồi là đọa ngay xuống địa ngục.

Khi người anh biết được chuyện này, thương xót đứa em bất hạnh đã đành, nhưng ông còn nhập định xem nó thác sinh vào chốn nào. Bỗng nhiên trong định, ông thấy em mình đã rơi xuống địa ngục, bất giác than dài :

- Trong địa ngục khổ sở đến chừng nào, khó độ đến chừng nào! Chư Phật và chư Bồ Tát còn không cứu được, ta làm sao cứu được hiền đệ đây!

Phật pháp khó nghe, thân người khó đắc, mà một khi được rồi thì có được bao năm? Chúng ta phải nắm bắt thời cơ, cố gắng tu hành. Trong đạo Phật, hiểu đạo là chuyện cấp bách nhưng hành đạo quan trọng hơn. Tốt nhất là nên tu và học cùng một lúc, hành và giải phải coi trọng ngang nhau.



32- HÓA HÌNH CỨU BẠN

Trong khu vực náo nhiệt nhất của thành Xá Vệ có một cửa tiệm bán hàng rất đặc sắc, lớn rộng thênh thang, trong ấy hàng hóa chất cao như núi, người mua người bán vào ra nườm nượp, thật là một quang cảnh phồn thịnh, ai cũng biết đây là một cửa tiệm rất giàu sang phát đạt. Mỗi ngày bà chủ tiệm chung diện diêm dúa để tiếp khách, thái độ của bà kiêu sa đài các khiến cho trong hàng nữ lưu, rất nhiều người hâm mộ bà.

Hôm đó, có một người khách hàng kỳ quái bước vào cửa, không nói không rằng, tự tay bung một cái ghế đến sát gần bà chủ ngồi xuống. Tuy không vui nhưng đối với khách bà đâu dám chệnh mảng, vì thế bà vẫn phải cúi thấp người xuống chào. Có ai ngờ khách chẳng trả lời tiếng nào, chỉ chăm chăm nhìn bà mỉm cười. Bà chủ cảm thấy hơi bất mãn, và cũng sợ đây là một người thô lỗ có tâm bất thiện không biết từ đâu lại, nên nghiêm sắc mặt mà hỏi:

- Thưa ông đến đây có việc gì?

Khách vẫn chẳng trả lời, mà còn nhìn bà một cách thân thiện hơn, nụ cười mang một ý nghĩa sâu sắc hơn, giống như nụ cười đồng lõa giữa hai người đã từng quen biết nhau nhiều.

Trong lúc bà chủ đang lo lắng tìm cách đối phó, cặp mắt của khách bỗng thình lình hướng về một đứa bé đang đứng bên cạnh bà và mỉm cười lễ độ gật đầu chào. Đó là con trai của bà, mới lên sáu tuổi, tay cầm một chiếc trống nhỏ chơi đùa say sưa.

Lúc ấy từ bên ngoài vọng vào tiếng chiêng, tiếng trống, cùng tiếng người cười nói huyên náo ầm ĩ, thì ra đó là một đoàn người hàng ngũ chỉnh tề đi ngang qua cửa tiệm, tay đánh trống miệng thổi kèn, và ở hàng cuối là một con lợn lông lá bị cạo nhẵn nhụi sạch sẽ, cổ đeo giải lụa đỏ, được khiêng lên cao. Khách trong tiệm ai cũng chạy ra xem, người khách quái lạ ban nãy cũng đưa mắt ra ngoài nhìn, rồi bỗng buông một tiếng thở dài ai oán. Những người khách khác xem xong thì trở vào, đồng thanh trầm trồ khen ngợi. Nguyên do là cách đó không xa, có một người con chí hiếu, nhân sinh nhật cha mới đặc biệt giết ba

con thú vật cúng tế thần linh, cầu nguyện cho cha được sống lâu mạnh khoẻ. Vị quái khách nghiêng tai lắng nghe mọi người bàn tán, rồi bỗng nhiên phá lên cười to như điên như cuồng, khiến mọi con mắt đều đổ dồn về ông. Đến đây thì bà chủ không chịu nổi nữa, gần giọng hỏi:

- Ông là ai?

- Sao? Bà không nhận ra tôi ư? Tôi là bạn thân của bà đây! Bà thật sự quên tôi rồi sao?

Quái khách vừa hỏi vừa cười ha hả. Bà chủ nghe thế thì tim gan đã muốn nổ tung lên rồi, sắp nổi cơn lôi đình thì người quái khách lại cười to hơn và nói:

- Ha ha! Thật là vui! Các người toàn là cố nhân gặp nhau lại, vui quá thì thôi, ha ha!

Quái khách lại cười một tràng dài, rồi bỗng nghiêm mặt nói rằng:

- Đúng rồi, bà không thể nhận ra tôi được, cha của bà mà bà còn không nhận ra nữa là, nói gì đến tôi! A! Người đời thay đổi đảo điên, thật đáng thương xót...

Ông thờ một hơi dài rồi nói bằng một giọng bí ẩn:

- Chắc chắn bà không thể tưởng tượng ra nổi rằng đứa bé đang đứng bên cạnh bà là người cha quá cố của bà. Lúc còn sống, cha bà không biết gì về nhân quả, chẳng rõ việc đạo lý nên đã tạo rất nhiều ác quả, chết rồi sinh vào thai trâu, sống 16 năm chịu đòn roi nhục nhã nhưng vẫn chưa tiêu trừ hết nghiệp tội, nên sau đó còn bị lột da làm trống cho người ta đánh, lúc ấy mới coi như đã trả xong nợ tội. Súc sinh không có nghiệp chướng nên được sinh lại trong loài người, chính lúc đó bà hoài thai và cũng vì hai người còn chút duyên nghiệp với nhau nên ông mới sinh vào nhà của bà. Bà xem kìa, cái trống trong tay đứa bé, chính là làm bằng tấm da trâu của cha bà lúc trước!

Người quái khách nói tới đây thì ngừng lại nhìn bà chủ. Bà vẫn chưa nguôi giận, song nghe những lời khách nói thì cũng cảm thấy bán tín bán nghi.

- Tôi không hề có chút ác ý nào cả. Trong đời quá khứ bà và tôi là đôi bạn rất thân, nhưng vì tôi hạ thủ công phu nhiều hơn bà nên kiếp này có được chút thần thông. Chúng sinh trong lục đạo thật quá là đáng thương, thí dụ như bà và đứa bé con của bà, hoặc con của bà và tấm da trâu làm trống cho nó chơi, hoàn cảnh nào cũng quá sức thương tâm! Hay là như vị hiếu tử mà lúc nãy ai cũng khen ngợi, giết một con lợn để cầu cho cha thêm tuổi thọ, nhưng có ngờ đâu rằng mình đã tròng cho cha gốc rễ của tội ác sâu dày? Con lợn sẽ chết vì cha của ông ta, thì sẽ có một ngày nào đó cha ông ta sẽ vì con lợn mà chết. Mạng phải thường mạng, như vậy thì hiếu hạnh tìm đâu ra trong việc đó? Chúng sinh ngu si không hiểu lý đạo nên mới tạo thành những quan hệ kỳ dị điên đảo với nhau như thế. Nhân danh tình bạn xưa kia giữa bà và tôi, tôi đặc biệt đến đây nói với bà rằng, vinh hoa phú quý trên thế gian như lửa xẹt, như ánh chớp, trong nháy mắt đã không còn, không nên tham luyến những thứ ấy. Trái lại hãy tu ngũ giới lục độ, mau thoát ra khỏi sáu cõi ô trược này. Tôi đi đây, có lẽ chúng ta còn có duyên gặp lại nhau một lần nữa, mong bà hãy suy nghĩ cho chín chắn.

Quái khách nói thao thao bất tuyệt như thế xong, không ai thấy ông bước ra ngoài đường, chỉ thấy ông đứng dậy tiến ra phía cửa rồi thì chẳng còn thấy bóng dáng đâu nữa.

Bà chủ ngậy người ra tại chỗ, như bị rơi xuống một vùng sương mù dày đặc.

Từ đó, bà chủ thay đổi thái độ hoàn toàn, bà không còn thích chưng diện như xưa, mặc thì quần áo không làm cho kẻ khác chú ý nữa, ăn thì chỉ ăn rau cải, sáng tối tự giam mình thật lâu trong một điện Phật nhỏ. Người làm công trong tiệm cũng như bạn bè thân thích của bà ai cũng ngạc nhiên trước những thay đổi ấy, không hiểu sao bà lại biến thành một người quá xuẩn ngốc như thế kia, có tài sản đó mà không chịu hưởng thụ!

Một tháng sau, người làm công trong tiệm nói với bà rằng có một người ăn mày rất xấu xí, tự xưng là bạn thân của bà đến xin gặp. Bà chủ nghĩ rằng người quái khách đã trở lại, vội bước ra xem, nhưng không phải là người ấy.

- Không! Tôi không biết ông!

Nói xong bà xoay lưng bỏ đi.

- Ha ha! Mới có một tháng thôi mà đã không nhận ra tôi rồi, huống chi là cách nhau một kiếp tái sinh! Được! Chỉ cần bà tiếp tục tinh tiến như vậy hoài thì việc liễu sinh thoát tử có thể trong tầm tay!

Bà chủ đang toan bước vào trong tiệm, nghe những lời ấy thì vội vàng xoay lại, nhưng người hành khất xấu xí đã biến mất tự bao giờ, chỉ còn âm thanh lời nói như còn vang vọng lại.

Khoảng hơn 10 năm sau, bà chủ bỏ nhà ra đi, chỉ đem theo đứa con trai của mình, để lại sau lưng rất nhiều tài sản cũng như rất nhiều người thương tiếc, ngậm ngùi.

Thật ra người khách quái dị ấy là ai vậy? Đó chính là tiền thân của Đức Phật Thích Ca, lúc ấy Ngài chưa chứng Phật quả.



33- HOA SEN TRONG NGỤC LỬA

Trong đời quá khứ, Thích Ca Mâu Ni Phật đã một lần ứng thân làm một vị thương nhân.

Vị thương nhân này làm ăn phát đạt, hưng thịnh, tài sản danh vọng ngày càng phát triển. Vì ông từ bi và luôn luôn bố thí giúp đỡ người cô cùng nghèo khổ nên được mọi người thương mến kính trọng. Nhà vua cũng ngưỡng mộ đức độ, học vấn và tài sản của ông nên đã kết bạn thâm giao với ông.

Có một buổi trưa hôm đó, thương gia đang sửa soạn dùng cơm trưa, thì bỗng nhiên có một vị tỳ kheo rất trang nghiêm đang đứng tại ngưỡng cửa, chờ ông cúng dường thức ăn, cho ông có cơ hội tạo thêm phúc báo.

Khi ma vương thấy vậy thì sinh tâm vô cùng ganh tị, bèn vận dụng ma lực để ngăn cản không cho thương nhân cúng dường. Với ma lực ấy, ma vương bèn tạo ra một địa ngục lửa, trong đó những ngọn lửa dữ ngùn ngụt cháy, có những ngạ quỷ hình thù quái dị đang bị lửa thiêu đốt, khóc la kêu gào thảm thiết.

Nhưng lúc ấy trong nhà của thương nhân không hề thấy nghe những cảnh huống bi thảm ấy, mà chỉ thấy một vị tỳ kheo trang nghiêm đang ôm bát đứng tại ngưỡng cửa và chỉ nghe tiếng vị ấy nói:

- Thí chủ! Nếu ông bố thí cho tôi, một tỳ kheo đang khát thực hóa duyên, thì tôi sẽ chúc phúc cho ông được hạnh phúc vô tỷ.

Nghe những lời nói trang nghiêm ấy, phu nhân lập tức đem ra rất nhiều cao lương mỹ vị ra cửa, nhưng đột nhiên bà cảm thấy toàn thân như bị điện giật, bèn run lấy bầy mà quay trở vào nhà.

Vị thương nhân không biết sự kiện gì đang xảy ra bèn bước ra cửa xem xét, thì trước mắt ông bỗng xuất hiện một cảnh địa ngục rất khủng khiếp. Nhưng người thương nhân này

có trí huệ nên biết ngay đây là quỷ thuật của ma vương. Ma vương thấy thương nhân bước ra thì nói một cách thân thiện rằng:

- *Này tài chủ! Ông nhìn xem cái địa ngục lửa khủng khiếp này, đây là chỗ đón rước những kẻ thích làm việc thiện, thích bố thí. Những tội nhân đó là những người đã đem rất nhiều tiền của, vật dụng ra bố thí cho những kẻ nghèo khổ vô dụng thay vì đem ra cúng tế thần linh, thần linh cảm thấy bị xúc phạm nên đã trừng phạt họ, đày họ xuống địa ngục chịu khổ. Ta nay nghĩ tới tương lai của ông, để sau này ông khỏi đọa địa ngục chịu khổ nên đặc biệt đến đây khuyên can ông đừng bố thí nữa, mà hãy tuân theo lời chỉ thị của thần linh.*

Thương nhân trí huệ thừa biết tâm ác độc của ma vương nên hỏi lại:

- *Người thích bố thí làm việc thiện thì bị thần linh trừng phạt đày xuống ngục chịu khổ, vậy thì những người nhận bố thí thì tương lai sinh đi đâu?*

Ma vương đáp:

- *Những người nhận thí thì được lên thiên đường, hưởng thọ phúc lạc của cõi trời.*

Thương nhân trí huệ bèn trả lời với một nét mặt thản nhiên:

- *Những lời khuyên can chân thành của ông đến với tôi đã quá muộn, vì tôi biết cái tâm ham bố thí làm việc thiện của tôi không có thuốc nào chữa trị được. Nếu người ta có tiền mà bảo người ta đừng nên bố thí mới đúng chính đạo, thì những người dẫu ít trí huệ tới đâu cũng không đồng ý. Như ông nói người bố thí sẽ bị đọa địa ngục, và người nhận thí được lên thiên đường, thì tôi còn muốn bố thí thêm cho nhiều người hơn nữa để những người này, nhờ sự bố thí của tôi mà được lên thiên đường, được hưởng hạnh phúc vĩnh viễn. Quyết không phải vì sợ tai nạn cho mỗi một thân mình mà trốn tránh.*

Ma vương căm giận nhắc lại:

- *Hãy nghĩ kỹ đến lợi ích của chính mình mà xét lại! Tiêu xài rất nhiều tiền để rồi chịu khổ vô hạn, thì đúng là ngu si nhất đời!*

- Tôi bằng lòng bị đọa xuống địa ngục lửa chịu thiêu chịu đốt, nhưng tôi không bỏ việc nhân nghĩa, bố thí.

Nói xong thương nhân nhảy vào ngọn lửa đang phừng phực cháy. Nhưng kì! Một đóa hoa sen trắng bỗng nở ra dưới chân ông, nâng người ông từ từ lên cao, rời xa ngọn lửa đỏ. Thì ra vị tỳ kheo ban nãy vô cùng hoan hỉ, muôn báo đáp ân đức cúng dường của thương nhân nên mới dâng vên giá vỡ, hiện đại thân thông, biểu thị lời chúc phúc vô hạn của mình cho vị thương nhân nhân từ bằng cách ấy.

Ma vương thấy vị tỳ kheo uy đức bất khả tư nghì, và cũng thấy ma thuật của mình không lừa dối được vị thương nhân nọ, bèn xấu hổ mà biến đi cùng với cái địa ngục giả ấy.

Với nghị lực và lòng tin kiên cố, thì dầu có bị thế lực ác độc nào áp đảo chăng nữa cũng không bức bách và làm hại được.



34- HOÀNG PHI NGUYỆT MINH

Vua nước Bàn Đề ở Ấn Độ tên là Ưu Đạt. Vào thời Ca Diếp Như Lai, ông đã từng xuất gia, tu học chính pháp, và đến thời Đức Thích Ca Mâu Ni thì nhờ phước báo đã gieo trồng từ kiếp trước nên được sinh ra làm vua.

Đệ nhất hoàng phi của vua Ưu Đạt là Nguyệt Minh phu nhân, bà vừa có tài vừa hiền đức nên rất được vua thương yêu kính mến.

Có một hôm, hoàng phi Nguyệt Minh thấy vua dường như có tâm sự gì, thắc mắc hỏi:

- *Đại Vương, không hiểu tại sao đại vương lại có vẻ ưu tư?*

- *Ta nghe một vị thánh đã chứng quả nói với ta rằng thọ mệnh của nàng đã sắp mãn, ta nghĩ đến nỗi khổ của sự biệt ly sinh tử nên mới để lộ ra nét ưu tư.*

Do vì hoàng phi Nguyệt Minh sắp lìa dương thế nên tướng suy đã hiển lộ ra, vua Ưu Đạt biết được nên cứ thật tình mà nói.

Hoàng phi Nguyệt Minh nghe nói thế, không có vẻ sợ hãi một chút nào, trả lời nhà vua một cách khoan thai:

- *Xin đại vương đừng vì thế mà đau khổ, Đức Phật đã từng nói rằng "ở trên cao thì có lúc rơi xuống thấp, có tồn tại thì phải có lúc tiêu diệt, có hợp thì có tan, có sinh phải có tử". Đó là những đạo lý cố định mà không một người nào có thể thoát được. Nếu đại vương nghĩ đến chín năm tình nghĩa vợ chồng của đôi ta, thì xin đại vương cho phép thiếp xuất gia tu hành.*

- *Nàng đi tu, nếu không thành đạo thì thế nào cũng sinh lên cõi trời, nếu có sinh lên cõi trời, ta xin nàng trở về đây gặp ta, nếu nàng làm được như thế thì ta bằng lòng để cho nàng xuất gia.*

Vua hãy còn thương yêu hoàng phi Nguyệt Minh nên mới đặt điều kiện như thế, và hoàng phi thì vì muốn đạt tới mục đích của mình là xuất gia tu hành, nên chấp thuận cho qua.

Hoàng phi Nguyệt Minh xuất gia rồi, nhưng sự thật thì vẫn còn sống trong thâm cung. Bởi vì bà là một vị hoàng phi nên thường thường có rất nhiều cung nữ đến hỏi han thăm viếng, hoàng phi bị quấy nhiễu không ngừng nên tâm không được an tĩnh mà lo việc đạo, vì thế bà quyết tâm rời bỏ hoàng cung đi chỗ khác ẩn tu.

Sau sáu tháng tu hành tinh tấn kham khổ, hoàng phi Nguyệt Minh chứng được quả thánh A Na Hàm. Ngay chính lúc ấy sắc thân vô thường của bà bị hoại diệt, nhưng huệ mệnh của bà thì lại sinh lên cõi trời sắc giới.

Khi hoàng phi Nguyệt Minh sinh lên cõi sắc giới thiên rồi, bà nhớ đến lời hẹn ước với vua Ưu Đạt ngày trước nên tính trở lại gặp vua. Nhưng một vị hoàng phi chết đi thì có rất nhiều bà hoàng phi khác được tuyển vào cung, do đó vua Ưu Đạt lúc ấy đã chìm đắm trong ngũ dục, khó mà có thể hóa độ được.

Vì thế bà nghĩ ra một cách : trong đêm sâu yên tĩnh, bà hóa ra thân Dạ Xoa Vương dễ sợ đến nỗi ai nhìn thấy cũng kinh hãi, tay cầm một con dao dài 5 xích (khoảng 1,6 mét), đứng ngay trước giường rồng trong phòng ngủ của vua Ưu Đạt. Khi vua trở mình thức giấc, mở mắt ra thì nhìn thấy một quỷ sứ cao to đứng ngay trước mặt thì thất kinh hồn vía, Dạ Xoa Vương mở miệng nói rằng:

- Ngay bây giờ, cho dù ông có thiên binh vạn mã đi nữa cũng chẳng bảo vệ gì ông được, bởi vì tính mệnh của ông đang nằm trong tay ta. Bây giờ cái chết đang ngay trước mắt, ông tính làm gì đây?

Vua Ưu Đạt sợ hãi trả lời:

- Tôi chưa từng làm điều gì xấu xa, tôi chỉ biết hướng theo con đường tốt, con đường lương thiện mà đi. Tôi muốn tu trì cho tới khi thân tâm tôi được thanh tịnh vô nhiễm, và hy vọng sinh về cõi thiện lành.

- Tu cho tâm thanh tịnh, đó là một điều có thể nương tựa được. Chúng ta rất tán thưởng những người như thế.

Khuôn mặt của Dạ Xoa vương giả ban đầu thì dữ dằn, nhưng sau khi nghe vua Ưu Đạt nói xong thì bỗng trở nên hiền từ. Vua thấy thế, sinh nghi mà hỏi rằng:

- Nhưng ngài là ai? Tại sao lại làm cho tôi sợ hãi như thế?

- Thú thật với đại vương, thiếp chính là hoàng phi của ngài, là Nguyệt Minh phu nhân. Từ khi rời bỏ đại vương mà đi, thiếp tu hành rất siêng năng, chết rồi sinh lên trời sắc giới, vì đã có lời hẹn với đại vương nên hôm nay mới đặc biệt đến đây thực hiện điều giao ước.

Bây giờ vua Ưu Đạt không còn sợ hãi kinh hoàng nữa, nhưng không tin được hoàng phi của mình đã biến thành ma quỷ, ông muốn hoàng phi Nguyệt Minh phải hiện nguyên hình thì ông mới chịu tin. Dạ Xoa Vương rùng mình một cái, biến trở lại thành y hệt bà hoàng phi ngày trước. Vua Ưu Đạt thấy đúng là người hoàng phi mà mình hằng yêu mến, dục vọng nổi lên, muốn chạy tới ôm lấy bà, nhưng Nguyệt Minh phu nhân nhẹ nhàng phi thân bay lên hư không, thuyết cho vua Ưu Đạt nghe chân lý của khổ, không, vô thường, và còn khuyên vua nên xuất gia tu hành.

Vua Ưu Đạt vâng lời chỉ dạy của hoàng phi Nguyệt Minh, đem ngôi vua nhường lại cho thái tử rồi xin làm đệ tử của tôn giả Ca Chiên Diên mà xuất gia.

Vua Ưu Đạt vốn dĩ là người cao quý nhất của cả một nước, nay xuống tóc xuất gia, thật là một điều không phải dễ. Giống như hoàng phi Nguyệt Minh, lúc mới xuất gia ông cũng thường bị các vị quan thần đến quấy nhiễu, vì thế ông lẳng lặng bỏ lên núi sâu.

Vua Ưu Đạt muốn cầu Phật Pháp nên đi tới ngoại ô của thành Vương Xá, nghe lúc ấy Đức Phật đang giảng kinh ở núi Linh Thứu, ông bèn lên núi nghe Đức Phật thuyết pháp, chẳng mấy chốc đắc được quả A La Hán.

Chìm đắm trong ái dục không có gì đáng lo, chỉ cần mau hồi đầu là được!

35- HOÀNG TỬ NA NHẤT THIÊN

Vua nước Ca Thi bản tính nhân từ, trị nước công minh, được nhân dân tôn kính. Kết hôn với hoàng hậu không lâu thì sinh được một hoàng tử rất kháu khỉnh, vua vui mừng đặt tên con là Na Nhất Thiên. Hai năm sau, khi hoàng tử Na Nhất Thiên đã biết đi hoàng hậu lại sinh được một hoàng tử thứ hai, đặt tên là Nguyệt hoàng tử.

Hai chú bé hoàng tử dễ thương này từ từ lớn lên dưới sự chăm sóc của mẫu hậu, nhưng đương lúc đáng lẽ phải tận hưởng một tuổi thơ vàng son nhất, thì hoàng hậu bất hạnh qua đời.

Chồng mất vợ, con mất mẹ, nỗi đau buồn của ba cha con không làm sao tả cho hết được. Nhưng người chết không sống lại bao giờ, nội cung lại không có người cai quản, nên vua buộc lòng phải kết hôn với một người đàn bà khác. Chẳng bao lâu sau, tân hoàng hậu lại hạ sinh một hoàng tử nữa, đặt tên là Nhật hoàng tử. Nhà vua rất đẹp lòng, nói với hoàng hậu rằng:

- Ái khanh! Nhân đứa bé này ra đời, ta ban cho nàng một điều ước.

- Đa tạ bệ hạ! Để chờ tương lai thiếp sẽ nói lên điều ước ấy.

Đương lúc ấy hoàng hậu không biết phải xin vua điều gì, nên câu chuyện đình hoãn lại ở đây.

Ba chàng hoàng tử theo thời gian mà lớn lên và thành người. Một hôm, hoàng hậu bỗng nhiên đưa ra yêu cầu của mình:

- Bệ hạ! Ngày xưa bệ hạ muốn ban cho thiếp một điều ước, nay con của chúng ta đã lớn khôn rồi, xin bệ hạ hãy truyền ngôi báu cho Nhật hoàng tử sau này.

- Như thế làm sao được? Nhà vua kinh dị trả lời. Hai hoàng tử lớn của ta bản tính tốt lành, thông minh, tài giỏi, lại là vai huynh trưởng của Nhật hoàng tử, làm sao ta lại có thể truyền ngôi cho con út được?

Tuy vua từ chối lời yêu cầu của hoàng hậu, nhưng bà cứ tiếp tục nài nỉ mãi không thôi, nên vua bỗng sợ rằng nếu nguyện ước của bà không được thỏa mãn, bà sẽ hạ độc thủ giết hại hai đứa con của mình. Ông bèn bảo hai hoàng tử hãy tạm thời rời xa hoàng cung, và bí mật dặn dò rằng:

- Ngày Nhật hoàng tử ra đời, ta có nói sẽ ban cho hoàng hậu một điều ước, nay hoàng hậu yêu cầu ta phải truyền ngôi báu cho Nhật hoàng tử sau này nhưng ta đã từ chối. Lòng dạ đàn bà vốn nham hiểm, có thể hoàng hậu sẽ sinh ác ý với hai con, nên ta muốn hai con hãy tạm thời trốn trong rừng sâu, đợi ta băng hà rồi hãy trở về lên ngôi báu và nắm quyền chấp chính.

Hoàng tử Na Nhất Thiên không hề sợ chết, nhưng muốn cho phụ vương được an lòng nên chỉ còn biết cùng Nguyệt hoàng tử buồn bã từ giã cha già rồi bỏ hoàng cung. Nhà vua ứa lệ hôn lên đầu hai đứa con trưởng, không làm gì khác hơn được là nhìn chúng nó đi xa. Hai hoàng tử vừa rời khỏi cung điện thì chạm mặt với Nhật hoàng tử. Biết hai anh sắp ra khỏi thành, Nhật hoàng tử nhất định đòi đi theo, thế là ba chàng hoàng tử cùng nhau hướng về phía Hy Mã Lạp Sơn mà đi.

Đến tới chân núi, sau một vài ngày vượt núi băng sông, cả ba đều mệt mỏi, ngồi xuống một góc cây bên đường mà nghỉ ngơi. Nhật hoàng tử nói với Na Nhất Thiên rằng:

- Tiểu đệ mệt quá, muốn uống chút nước!

- Được, đệ hãy đi mau rồi về mau, huynh chờ đệ ở đây.

Được đại ca cho phép, Nhật hoàng tử ba chân bốn cẳng chạy mau tới bờ sông. Đứng trước dòng nước sông trong vắt, Nhật hoàng tử cảm lòng không đậu, không suy nghĩ gì thêm, bèn nhảy xuống sông tắm. Bỗng nhiên từ dưới nước nổi lên một con thủy quái, tóm lấy Nhật hoàng tử mà nói rằng:

- Nhà ngươi dám nhảy nước sông bơi lội, ngươi có biết đây là chỗ nào không? Trừ người nào biết được lý trời, ngoài ra không ai được xuống tắm cả.

Thì ra dòng sông này ở dưới quyền cai quản của con thủy quái, phàm người nào xuống nước tắm, nếu không phải là thánh nhân thông hiểu lý trời, thì đều bị thủy quái ăn thịt. Nay Nhật hoàng tử bị hỏi như thế thì cứng miệng không trả lời được, bèn nói bừa:

- Lý trời là mặt trời, mặt trăng!

Vì không hiểu lý trời nên Nhật hoàng tử bị thủy quái bắt lại, nhốt trong nhà của mình.

Lúc ấy, hoàng tử Na Nhất Thiên đang ngồi nghỉ dưới gốc cây, thấy Nhật hoàng tử đi lâu quá không về, trong lòng bất an nên bảo Nguyệt hoàng tử đi tìm. Kết quả là Nguyệt hoàng tử cũng xuống sông tắm và cũng bị thủy quái bắt. Mặt trời đã khuất sau núi, hoàng tử Na Nhất Thiên cảm thấy bồn chồn lo lắng nên tự mình đi tìm hai em. Đến bờ sông, chỉ thấy quần áo, đồ vật của hai em mà người thì không thấy đâu. Một lúc sau trên mặt nước có tiếng xào xạc, thủy quái nổi lên mời hoàng tử Na Nhất Thiên xuống tắm. Nhưng đại hoàng tử mãi lo nghĩ đến hai em, không có lòng dạ nào bơi lội nên hỏi thủy quái:

- Ông có thấy hai em của tôi đâu không?

- Có chứ! Thủy quái đáp. Hai cậu ấy không hiểu lý trời nên bị ta bắt nhốt lại rồi. Ta đợi tới nay sẽ ăn thịt hai người ấy.

- Ôi ! Sao lại muốn ăn thịt chúng nó! Xin ông hãy thả chúng nó ra, nếu muốn ăn thịt thì hãy ăn thịt tôi đây!

Hoàng tử Na Nhất Thiên van cầu thủy quái.

- Xưa nay, ai không hiểu lý trời mà xuống nước tắm đều bị ta ăn thịt. Nếu hôm nay cậu có thể trả lời được cho ta, ta sẽ trả cho cậu một trong hai người em.

- Được rồi, xin ông cứ hỏi.

Thủy quái ngửa mặt lên trời, lớn tiếng hỏi:

- Cậu có biết lý trời là gì không?

- *Có đủ tâm tầm quý, chỉ sống đời thanh bạch, chỗ thế gian tịch tĩnh, chính là lý trời vậy.*

Khi đại hoàng tử nói xong bốn câu kệ này, thủy quái tỏ vẻ rất vui mừng mà khen rằng:

- *Đại hiền nhân! Cậu vừa nói lên diệu pháp khiến cho tâm tôi hoan hỉ và thanh tịnh. Nay tôi sẽ trả cho cậu một trong hai người em, cậu chọn người nào?*

Hoàng tử Na Nhất Thiên trả lời ngay không chút do dự:

- *Xin trả lại em út của tôi là Nhật hoàng tử!*

- *Lạ chưa! Cậu thông hiểu lý trời mà sao không chịu thực hành? Thủy quái ngạc nhiên hỏi. Ông bỏ đứa lớn mà chọn đứa nhỏ, như vậy là hoàn toàn không biết "kính trọng người lớn tuổi".*

Những lời nói của thủy quái không hề làm cho đại hoàng tử nao núng, chàng khoan thai trả lời:

- *Thủy quái, đừng nói như thế! Tôi đã vì ấu đệ mà phải bỏ cung điện. Mẫu hậu yêu cầu phụ vương truyền ngôi cho ấu đệ, nhưng phụ vương đã từ chối. Vì muốn bảo toàn mạng sống nên chúng tôi đã phải rời cung điện, nhưng ấu đệ nhất định đòi đi theo. Nếu hôm nay để cho ông ăn thịt ấu đệ, đến khi trở về tôi phải ăn nói làm sao đây? Vì thế tôi muốn ông trả ấu đệ về trước.*

Lời nói của đại hoàng tử làm cho thủy quái vô cùng cảm động. Thấy hoàng tử nhân từ, đức độ như thế, hẳn bèn đem cả hai tù nhân của mình trả lại cho đại hoàng tử đem trở về cung điện.

Hoàng hậu biết được chuyện này, không những thái độ hoàn toàn đổi khác, trở lại thương yêu bảo bọc cả ba anh em, mà từ đó không bao giờ còn nhắc tới việc truyền ngôi cho Nhật hoàng tử nữa.

Một vài năm sau, vua cha băng hà, hoàng tử Na Nhất Thiên lên ngôi báu nắm chính quyền, nhưng chàng không hề thấy mình đang ở ngôi vị vinh diệu của một ông vua. Chàng phong hai em làm đại tướng quân lãnh đạo binh quyền, và cả ba cùng nhau hợp tác để trị quốc, đem lại an lạc cho dân.

Đại hoàng tử đương thời chính là người đã chứng được quả Phật vô thượng sau này. Nhật hoàng tử nay là tôn giả A Nan, và Nguyệt hoàng tử chính là tôn giả Xá Lợi Phất.

Sinh tử vô thường, người nào nhìn rõ ngọn nguồn của việc sinh tử như hoàng tử Na Nhất Thiên, "sinh" không thấy là đáng vui mà "tử" cũng không thấy là đáng buồn, mới là người siêu thoát được khổ, không, vô thường.



36- HỎI LỖI SINH THIÊN

Cách đây hơn hai ngàn năm về trước, ở Ấn Độ, đâu đâu cũng có thể nghe được tiếng thuyết pháp của Đức Phật. Để pháp âm vi diệu được lưu truyền mãi mãi, để cứu chúng sinh đang trầm luân trong biển khổ, Ngài không ngại gian nan, không phút nào nghỉ ngơi, kim thân Ngài vì thế đã đi qua hết mọi hang cùng ngõ hẻm của nước Ấn Độ.

Có một lần, Đức Phật dừng chân ở núi Linh Thứu nước Ma Kiệt Đà, thuyết pháp giảng kinh cho rất nhiều đệ tử. Lúc đó, vua nước Ma Kiệt Đà là Tần Bà Sa La Vương, dẫn đầu một đoàn đại thần rất đông lên núi Linh Thứu, chấp tay cung linh lễ chân Phật rồi bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, Ngài là đấng giáo chủ đại bi, là Đức Phật cao cả, con nay xin thỉnh cầu, duy nguyện Thế Tôn dùng ánh sáng từ bi chiếu rọi vào rừng trúc lâm, dùng đại uy lực vô úy của Phật mà hàng phục con rắn độc ở trong đó, để nó đừng hại người ta nữa.

Số là cách Vương xá Thành không xa, trong rừng trúc lâm, có một con rắn độc ghê rợn ẩn náu. Thí dụ như có người đi ngang khu rừng đó, thì lửa giận của nó phùng lên, nó bèn nhìn người ấy một cách độc ác. Nếu như người đó đến gần nó hơn một chút thì nó liền dùng khí độc làm hại, hoặc dùng răng độc cắn người ấy. Vết thương đau nặng đau nhẹ, cuối cùng người ấy cũng sẽ táng thân mất mạng.

Vì vậy có người mới đem chuyện này tâu lên quốc vương, thỉnh cầu vua tìm cách giải quyết. Nhà vui nghĩ tới nghĩ lui tìm đủ mọi biện pháp, lại vì đã có rất nhiều người muốn trừ khử con rắn độc này mà bị nó giết chết, nên vua chỉ còn một cách là đi cầu cứu Đức Phật.

Đức Phật bằng lòng giúp nhà vua, nên một hôm, Ngài một mình một thân đi bộ thẳng vào khu rừng trúc, nơi con rắn độc đang ẩn náu. Con rắn độc nhìn thấy Đức Phật từ xa, tâm sân hận nổi lên, nó đăm đăm nhìn Đức Phật rồi còn há miệng thật to, thè cái lưỡi đỏ ra tính vồ tới hại Ngài. Đức Phật vận dụng lực từ bi, từ mỗi đầu ngón tay của Ngài phát ra năm tia ánh sáng năm màu. Những tia ánh sáng năm màu rực rỡ này chiếu lên thân con rắn khiến

nó lập tức trở nên hiền lành, độc khí tiêu tan, tâm hoan hỉ phát sinh, nó ngóc đầu lên chiêm ngưỡng Đức Phật như thể đang nghĩ trong đầu rằng:

- Người này từ đâu tới, tại sao lại có thể phát ra ánh sáng chiếu lên thân ta, khiến cho thân tâm ta cảm thấy mát mẻ sáng khoái như thế này?

Đức Phật biết là con rắn độc đã được Ngài điều phục rồi, nên nói với nó rằng:

- Trưởng giả Hiền Diện, trong những kiếp trước ngươi là người keo kiệt tham lam, ngươi có biết tội của mình đã làm không? Trong thời quá khứ, ngươi tuy rất giàu sang phú quý nhưng tâm keo kiệt và đố kỵ rất mạnh, ngươi chuyên môn dối trá gạt người, không có việc ác nào mà ngươi không làm, chưa từng một lần bố thí vật gì cho ai. Cái người hành khát đáng thương kia đến xin, ngươi đã không cho hạt gạo nào thì chớ, còn nổi giận nhìn người ta, dùng ác khẩu mắng người tạ Vì thế kiếp này ngươi mới phải chịu quả báo mang lấy hình thù xấu xí, tại sao ngươi lại chưa chịu phản tỉnh mà sám hối? Tại sao lại còn sinh tâm ác độc mà nhiều hại những người đi ngang qua đây? Tội nghiệp của ngươi đã nặng lắm rồi, bây giờ còn tiếp tục tạo nữa, vậy ngươi muốn chịu khổ cho tới chừng nào mới ngưng? Nếu ngươi cứ theo đà này thì quả báo khổ đau về sau sẽ vô cùng vô tận, cả ngàn vạn kiếp cũng không thoát ra được.

Âm thanh từ bi của giọng nói Đức Phật đã đánh vào tận tâm can của con rắn một cách mạnh mẽ. Nó nghe pháp âm rồi, liền thấy rõ ràng điều sai quấy mình đã làm, sinh tâm tầm quý và sám hối tội lỗi trước mặt Đức Phật.

Đức Phật thấy nó đã rõ ràng tự biết tội mình và thật lòng muốn cầu giải thoát, nên nói với nó:

- Kiếp trước ngươi không biết làm việc thiện nên mới chịu mang thân rắn này, ngày nay ngươi biết tỉnh ngộ để lãnh hội sự giáo hóa của Phật thì ngươi có thể thoát ra khỏi biển khổ được.

Rắn độc nghe thế, tự nhiên biết mở miệng ra nói cho Đức Phật hiểu được:

- Thế Tôn, con không dám làm trái lời giáo huấn từ bi của Ngài, từ nay về sau con thề nguyện sẽ phụng hành.

- Thế thì hãy chui vào bát của ta.

Đức Phật vừa dứt lời, con rắn đã tuân lệnh ngay, bò vào bát của Ngài. Đức Phật bèn ôm bát ra khỏi rừng trúc. Nhà vua cùng rất nhiều người nghe tin ấy, vội vàng vào rừng xem ngã ngữ câu chuyện ra sao. Khi con rắn nhìn thấy người ta, lòng cảm thấy hổ thẹn và chán ghét thân hình rắn độc của mình, liền chết ngay tại chỗ. Mệnh vừa dứt, nhờ nó đã chân thành sám hối với tâm muốn cải thiện, nên được sinh lên cung trời Đao Lợi hưởng phúc cõi trời.

Một hôm tại Trúc Lâm tinh xá, trong không trung bỗng có người ngâm kệ tán thán Đức Phật rằng:

*Đại Thánh tôn cao cả
Phúc huệ đều đầy đủ
Ngày xưa con ngu si
Được Phật khai sáng mắt
Ôn như mặt trời huệ
Diệt sạch cấu phiền não,
Vượt qua biển sinh tử.
Lực Phật bất tư nghì,
Nhờ Ngài nên thân rắn
Nay được sinh cõi trời.*

Trưởng giả Hiền Diện đã được siêu sinh. Vì thế, hỡi những người giàu có, xin đừng keo kiệt giữ rịt lấy tiền của không chịu bố thí, để khỏi bị quả báo sinh làm rắn độc về sau!



37- HỎI LỖI THOÁT KHỔ

Lúc Đức Phật còn tại thế, thường hay có vua chúa, đại thần đến thỉnh mời cho họ được cúng dường, đó là vì Thế Tôn từ bi, muốn cho chúng sinh nào cũng có thể gieo trồng phúc điền.

Một hôm, Đức Phật nhận lời mời của long vương A Nậu Đạt, đưa 500 vị đệ tử đến long cung cho long vương được dịp cúng dường.

Long cung của A Nậu Đạt thật là huy hoàng tráng lệ, ngay trước cung điện có một cái ao nước cũng gọi tên là ao A Nậu Đạt. Nước ao thanh tịnh trong mát, không khác gì nước tám công đức trong ao thất bảo của Tây phương Cực Lạc thế giới, người nào có nhân duyên uống được một giọt nước ao này liền có thể biết được sự việc đã xảy ra trong nhiều kiếp trước của mình, và cũng có thể chứng nhập vào cảnh giới của thánh nhân.

Các vị tỳ kheo đông đảo cùng đi thọ cúng với Như Lai hôm ấy, tuy ai cũng đã chứng được quả vị, nhưng không phải ai cũng có túc mệnh thông. Thế nên khi họ đến long cung A Nậu Đạt, uống nước ao nơi ấy rồi thì tất cả đều có được thần thông biết được sự việc kiếp trước của mình.

Thọ cúng xong xuôi, Đức Phật đứng bên bờ ao A Nậu Đạt bảo 500 vị đệ tử hãy mỗi người kể lại chuyện kiếp xưa của mình. Lúc ấy có một vị tôn giả tên gọi là La Bi Đề đứng dậy kể rằng:

- Một trong những đời trước của tôi ở cõi Ta Bà này, gặp lúc Câu Lưu Tôn Như Lai ứng hóa ở thế gian, vì tất cả chúng sinh mà tuyên thuyết đủ các pháp vi diệu. Không lâu sau, Câu Lưu Tôn Như Lai đại bát Niết Bàn, người con Phật nào cũng vô cùng buồn thương. Rất nhiều người cư sĩ tại gia muốn báo đáp ân sâu của Như Lai, mới phát tâm xây cất một ngôi bảo tháp 7 tầng với một ngôi chùa lớn để thờ phụng thánh tượng của Như Lai và cũng để cho rất đông các vị tỳ kheo xuất gia có nơi trú ngụ. Do đó, mỗi ngày các vị cư sĩ phát đại tâm ấy đều hội họp nhau chuyên chú vào kế hoạch xây cất công trình vĩ đại này.

Lúc ấy tôi sống trong một thôn làng gần đó, thấy họ nhiệt liệt thành tâm trong việc xây chùa lập tháp như thế, thì trong tâm khởi lên một niệm vô minh phiền não, đã không thán thán công đức của họ thì chớ mà còn ganh tị với họ nữa. Niệm ác trong tâm đã mạnh nha, thì miệng không ngừng nói những lời ác độc, mắng họ ngu si, hủy báng công đức của họ. Vì lẽ đó nghiệp tội đã định, khổ báo đã hình thành.

Không lâu sau tôi qua đời, đọa xuống địa ngục, bị ngọn lửa phiền não đốt cháy cả thân thể, tôi kêu khóc, tôi cầu cứu nhưng chẳng ai thương hại tôi, chẳng ai giải cứu cho tôi. Nỗi đau đớn lúc ấy thật là không cách nào chịu nổi. Có lẽ vì nỗi đau đớn quá khốc liệt nên tôi đột nhiên sinh khởi tâm từ quý. Nhờ cái niệm thiện tâm hồi cải ấy nên các khổ báo bi thảm của địa ngục đã kết thúc mau lẹ. Tuy đã bỏ được cái khổ địa ngục, nhưng tôi đã sinh ra làm một người thấp lùn, xấu xí, ai thấy tôi cũng phải ghét bỏ, tránh xa, thậm chí còn chửi rủa tôi nữa. Tôi đã phải mang cái thân xấu xí ấy cũng mấy kiếp mới xả bỏ được.

Trong một kiếp sau đó, may mắn gặp lúc Ca Diếp Như Lai ra đời, thì tuy tôi đã thoát được cái thân người xấu xí khó coi, nhưng lại sinh ra làm thân quạ. Trong loài chim, quạ là giống thường bị người ta ghét bỏ nhất, vì tiếng kêu của nó rất khó nghe, lại còn có rất nhiều người mê tín cho rằng chỗ nào có quạ tới thì chỗ ấy sẽ có chuyện bất lành xảy ra. Vì thế hễ thấy tôi là người ta phỉ nhổ, mắng rủa, bay đi tới đâu tôi cũng bị đối xử tàn nhẫn như thế. Tuy vậy, nhờ lúc đang chịu khổ báo trong địa ngục, tôi đã có cái thiện căn phát khởi lên một niệm hồi cải, biết được lỗi lầm của mình trong quá khứ nên mỗi ngày tôi ngừng lại ở con đường có Như Lai đi qua, bay lượn ở giữa các lùm cây, vọng nhìn Như Lai và chúng đệ tử rất đông của Ngài. Ngài du hành hóa độ Ở chỗ nào trong vườn Ba La Nại, cũng có tôi bay theo ở phía sau nghe Phật Pháp, và còn hướng dẫn cho các loài chim khác lễ bái Như Lai nữa, nguyện Như Lai từ bi cho phép tôi sám hối. Không lâu sau, nương nhờ lực từ bi của Như Lai, tôi thoát được thân quạ, lại sinh vào loài người. Trong kiếp này tôi không đọa lạc nữa vì tôi đã gặp được vị tôn sư chính giác vô thượng, là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, xuất gia với Ngài để học đạo, do đó tôi đã chứng quả A La Hán.

Tôn giả La Bi Đề nói xong chuyện của ngài, tất cả các vị tỳ kheo có mặt trong pháp hội đều vô cùng hoan hỉ.

38- HY SINH CỨU NGƯỜI

Đức Phật nói sát, đạo, dâm, vọng như là bốn biển đen ngòm làm cho bạn phải trầm luân trong biển khổ, còn từ, bi, hỷ, xả giống như bốn bức thành thánh thiện, bên trong có rất nhiều bảo vật, bạn có thể lấy hoài không hết, dùng hoài cũng không hề suy giảm.

Có một hôm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang giáo hóa chúng sinh ở tinh xá Trúc Lâm thành Xá Vệ, tôn giả A Nan từ trong pháp hội đứng dậy chấp tay hỏi Đức Phật:

- Thế Tôn, lúc ban đầu Phật tại vườn Lộc Uyển sơ chuyển pháp luân, thuyết diệu pháp Tứ Thánh Đế cho năm vị tỳ kheo khiến họ đắc quả A La Hán. Trong đời trước năm vị tỳ kheo ấy đã có nhân duyên thù thắng nào với Phật mà được nghe Phật pháp lúc trồng pháp mới được giống lên lần đầu tiên, và đắc được pháp vị cam lồ? Cúi xin Thế Tôn rũ lòng lân mẫn giải thích cho chúng con được tường tận.

Đức Phật trả lời cho A Nan và đại chúng rằng:

- Năm vị tỳ kheo ấy đã từng ăn thịt của ta trong một kiếp trước để tự bảo vệ mạng sống của mình, do lẽ ấy nên kiếp này họ là những người đầu tiên thọ nhận pháp vị và được giải thoát.

Nghe những lời ấy ai cũng lấy làm kỳ lạ, nên A Nan lại đứng dậy hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao họ lại ăn thịt Phật trong một kiếp trước?

Lúc ấy bốn phương đều im phăng phắc, tuy có hơn cả vạn người ngồi trong giảng đường nhưng không có lấy một tiếng động, đến cả tiếng thở mạnh cũng không có, đại chúng yên tịnh chờ đợi Đức Phật thuyết về nhân duyên của năm vị tỳ kheo.

Trên bảo tòa, Đức Phật bắt đầu thuyết:

- Trước kia có một thế giới, vua tên là Thí Đặc Cần, đức độ, tài giỏi, và từ bi cao cả, nhân dân vài trăm ngàn người sống một cuộc sống an lành thái bình dưới sự lãnh đạo hiền từ và thương mến bảo bọc của ông.

Nhưng "hoa đẹp không nở hoài, cảnh đẹp không tồn tại mãi", đất nước an lạc và sung sướng ấy rồi cũng có lúc gặp khốn khó. Thật là trời không thương người chút nào, năm ấy không chỗ nào có mưa, nạn hạn hán bắt đầu hoành hành. Dân chúng khát nước đến khô cháy cả người, lúa mạ gì cũng chết cháy hết. Theo lời những vị thiên văn học gia dự đoán thì nạn hạn hán này có thể kéo dài tới 12 năm nữa.

Vua nghe thế vô cùng ưu sầu, thiên tai kéo dài 12 năm thì mạng sống con dân trong nước có cầm cự được không? Một nước không có dân thì làm sao thành lập? Vì thế ông bèn triệu tập các đại thần để cùng bàn luận tìm cách giải cứu. Cuối cùng họ lấy quyết định gom lại tất cả những tài vật mà nhân dân trong toàn quốc đã tích trữ được, nhập vào toàn bộ kho tàng của quốc gia và sau đó làm thống kê nhân khẩu, rồi mỗi ngày trích ra số lượng tối thiểu nhất đem ra phân phát cho mỗi người dân trong nước đủ cho họ sống qua ngày hôm đó. Vua lại ra lệnh từ ngày hôm đó trở đi quyết nghị kia sẽ được thi hành, vì thế nhân dân tuy sống trong cảnh khốn khổ nhưng chưa có ai phải chết đói.

Tháng này qua tháng khác, một năm rồi một năm nữa trôi qua, lương thực kiệt quệ dần, ruộng vườn khô cằn không trồng trọt được. Vua lại lo lắng buồn rầu, nặn óc suy nghĩ mãi, rồi lấy quyết định hy sinh mạng sống của mình để giữ gìn mạng sống của tất cả những người khác. Ông bèn tuyên bố rằng:

- Ta muốn đi sang nước ngoài nghỉ ngơi và du lịch trong một thời gian không giới hạn. Ai muốn đi theo ta thì đi, còn ai muốn ở lại thì cứ ở.

Nghe vua sắp đi du lịch ở nước ngoài, khoảng 20 ngàn người cũng muốn đi theo. Ngày khởi hành họ đi đến một ngọn núi nhỏ, ai nấy đều mệt mỏi không đi tiếp được nữa. Vua Thí Đặc Cần dẫn họ đến một khu rừng rậm rạp và ra hiệu cho mọi người tùy ý nghỉ ngơi. Quá mệt mỏi và thiếu thốn nên 20 ngàn người ấy chẳng mấy chốc đã chìm sâu trong giấc ngủ. Còn lại vua một mình ngồi tại một địa điểm rất cao nhìn xuống mọi người đang say ngủ, ông hướng về bốn phía lễ lạy xong âm thầm phát nguyện rằng:

- Hiện nay quốc dân đang gặp cảnh đói khổ, nếu tình trạng này kéo dài thì e họ sẽ chết hết. Vì muốn cứu mạng sống cho mọi người, tôi nguyện hy sinh chính mạng sống của tôi, và lại nguyện kiếp sau sinh ra làm con cá lớn, lấy thịt trên thân tôi mà cứu tất cả mọi người khỏi cơn đói kém. Nguyện rằng họ có thể lấy thịt của tôi mà ăn, ăn mãi không bao giờ hết.

Cầu nguyện như thế xong, vua Thí Đặc Cẩn bèn trèo lên một ngọn cây rất cao gieo mình xuống, tắt thở chết ngay tại chỗ.

Vua chết rồi thì đúng theo lời nguyện của ông, liền hóa sinh thành một con cá trong biển lớn. Con cá này thân dài tới 500 do tuần (mỗi do tuần là 40 dặm, 500 do tuần tức là 20 000 dặm).

Lúc ấy trong thành có 5 người thợ gỗ và thợ đồ gốm, một hôm đến bờ biển làm việc, bị con cá trong biển trông thấy, cá bèn dùng tiếng người mà nói:

- Nếu các ông có đói thì hãy cắt thịt tôi mà ăn cho đỡ đói, nhưng xin các ông ăn no rồi thì hãy cố hết sức cắt thêm thịt đem về thành mà phân phát cho người khác ăn. Hôm nay các ông là những người đầu tiên ăn thịt của tôi, tương lai tôi tu hành chứng quả rồi, chắc chắn sẽ độ cho các ông thoát khỏi đau khổ.

Con cá lớn nói tới đây, ngừng lại một chút rồi nói tiếp:

- Lúc các ông trở về, hãy nói với tất cả mọi người trong nước, bảo rằng ai cần đều có thể tới đây lấy thịt của tôi về ăn.

Năm người thợ nghe cá nói thế, vui mừng đem dao bén ra cắt lấy thịt trên thân cá mà ăn, ăn no rồi lại đem rất nhiều thịt về. Vào đến thành, gặp ai họ cũng kể lại chuyện trên khiến cho tin đồn kia truyền lan đi cả nước. Rất nhiều, rất nhiều người ra bờ biển lấy thịt cá về ăn, nhưng thật là bất khả tư nghì, tuy số người cắt thịt cá mà ăn rất đông mà thịt trên thân cá cứ vĩnh viễn còn hoài, không làm sao cắt hết được.

12 năm đói kém trôi qua như thế, không có một người nào phải chết đói.

A Nan, ông đã hiểu vì sao ta nói câu chuyện kiếp trước này phải không? Vua Thí Đặc Cầ lúc ấy chính là tiền kiếp của tạ Nhớ lại lúc ban đầu phát nguyện thành Phật, ta thường hy sinh thân mạng để làm lợi ích cho chúng sinh. Và 5 người thợ làm gỗ và đồ gốm kia chính là 5 vị tỳ kheo trong kiếp này, hôm nay ngồi xung quanh ta có 8 vạn người, tất cả đều đã từng ăn thịt của ta.

Đức Phật nói đến đây, các vị đệ tử của Ngài ai cũng cảm động rơi nước mắt và đồng nguyện rằng sẽ luôn luôn tu học giáo pháp của Phật, nỗ lực tu hành để sớm chứng quả.



39- KHO TÀNG RẮN ĐỘC

Có một hôm, tôn giả A Nan đi cùng với Đức Phật ra ngoài thành hành hóa. Đến một chỗ đó, Đức Phật thỉnh linh ngừng bước, quay đầu lại hỏi tôn giả A Nan:

- A Nan! Ngay đây có rất nhiều, rất nhiều rắn độc đang ẩn núp trong lòng đất, ông có thấy không?

Tôn giả A Nan đã chứng được thiên nhãn thông nên nhìn thấy rất rõ ràng, ngài trả lời:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Đệ tử đã nhìn thấy.

Nói xong, hai người khoan thai tiếp tục bước đi.

Khi Đức Phật và A Nan đi ngang qua chỗ ấy thì có một người làm công cũng vừa đến sau lưng hai người. Người này nghe lời đối thoại giữa Đức Phật và A Nan bèn lấy làm lạ, tự nghĩ:

- Không lẽ mắt của hai vị sa môn này lợi hại đến thế sao, đến nỗi nhìn thấy tất cả những gì được chôn dấu dưới mặt đất? Để ta đào đất lên xem thử dưới ấy có nhiều rắn độc như họ nói không. Nếu thật sự có rắn độc cũng chẳng hề gì, dù sao đi nữa chúng cũng không hại ta nổi.

Nghĩ thế xong, ông bèn đi lấy cuốc tới đào đất chỗ ấy. Khi ông đào xuống được khoảng 3 thước, bỗng nhiên nhìn thấy từ phía dưới có ánh sáng chói lọi chiếu lên. Thì ra chôn dấu dưới lòng đất không phải là rắn độc, mà là rất nhiều vàng bạc châu báu!

Người làm công này mừng quá, nói không ra lời, nghĩ rằng:

- Đây là vận may của ta, ta nên đem hết về nhà.

Rồi bèn vội vàng lén lút mang hết kho tàng về nhà mình. Từ một người làm công nghèo rách mồng tơi, chỉ một bước ông đã biến thành một tay triệu phú.

Tuy ông có rất nhiều tiền, sống một cuộc sống hết sức sung sướng thoải mái, nhưng ông có một người hàng xóm ở sát bên tường rất ganh ghét ông. Ngay từ trước hai bên đã không ưa nhau, nay người hàng xóm thấy ông này bỗng nhiên trở nên giàu có nên trong lòng lúc nào cũng ngờ vực và ganh tị, bèn tìm cách điều tra xem tiền của ấy từ đâu ra. Không lâu sau, nghe được một đứa bé kể lại rằng tiền của này do ông nọ đào được kho tàng mà có, thế là người hàng xóm vội đi báo cáo cho nhà vua biết.

Theo luật pháp đương thời của nước ấy, bất kỳ ai đào được kho tàng cũng đều phải trình tâu lên triều đình, và kho tàng ấy phải được đưa vào ngân khố của quốc gia. Thế nhưng người làm công nói trên lại không tuân hành luật pháp, nên khi việc này đến tai nhà vua, nhà vua nổi trận lôi đình ra lệnh bắt giam người ấy về tra tấn hạch hỏi, bắt phải khai chỗ đã đào được kho tàng, nghĩ rằng biết đâu chỗ ấy còn sót lại bảo vật nào chẳng?

Sự thật thì kho tàng đã được đào sạch cả rồi, nhưng nhà vua không chịu tin, vẫn cho tra khảo đánh đập người làm công nọ cho bầm thối nát xương, rồi còn cho mật thám vào ngục tối ở chung với ông, dò xét xem ông có dấu giếm điều chi không. Ông đem hết sự thật ra kể cho mật thám nghe, nhưng trước khi nói, ông thành kính chắp tay ngược nhìn lên trời, sa nước mắt mà rằng:

- Lời của Đức Phật thật là không bao giờ sai quấy. Lúc Ngài đi ngang chỗ chôn kho tàng, Ngài đã nói với tôn giả A Nan rằng đất này độc hiểm nên có rất nhiều rắn độc ẩn núp ở phía dưới. Tôi thật là ngu si nên nghe thế muốn biết thực hư ra sao, bèn đem cuốc đến đào đất lên. Đào ra mới thấy ở phía dưới toàn là châu báu, tôi mừng không kể xiết, mới bí mật đem kho tàng về nhà. Lúc ấy tôi cho rằng đó là vận may của tôi, còn Đức Phật và A Nan mới là kẻ ngu si nên không biết làm giàu.

Nào có ngờ đâu vì việc này mà chiêu cảm đại họa, chỉ hận là lúc ấy tôi không tin lời Đức Phật, bây giờ mới biết rằng vàng bạc châu báu không khác gì rắn độc, nên mới đưa tôi đến cái tai vạ bị tra tấn đến tan xương nát thịt ngày hôm nay!

Mật thám đem câu chuyện lên trình tâu nhà vua, nhà vua nghe xong, biết người làm công đã tin lời Đức Phật rồi và đã phát nguyện hối cải, nên mới thả cho ông ra khỏi ngục mà nói:

- Thế Tôn đại từ bi mới gọi kho tàng là ổ rắn độc để khuyên người khác tránh xa. Người ta không tin lời Đức Phật nên nổi lòng tham và tạo tội. Nếu nghe nhớ lời Phật dạy thì có tai nạn nào còn lụy đến thân nữa?

Nói xong, nhà vua cho phép người làm công trở về nhà.



40- KHÔNG TÍNH KẸ OÁN NGƯỜI THÂN

Ngày xưa, có một vị đại Bồ Tát tên gọi là Tiên Thán, là một người giàu có đến nỗi không ai so sánh được. Tuy gia đình ông rất đổi giàu sang sung túc, nhưng trong cuộc sống ông không hề xa xỉ, vì thường được nghe lời giáo huấn của Đức Phật. Ông hiểu rằng thế gian là vô thường, giác ngộ rằng tài sản không thể trường tồn, chỉ có công đức bố thí mới là cái gia tài mà ta có thể nương nhờ được.

Tiên Thán thường nói với người khác rằng:

- Nếu có người nào sống một đời sống khó khăn hoặc thiếu thốn nghèo nàn, tôi sẵn sàng hoan hỉ giúp đỡ người ấy.

Tuy Tiên Thán muốn làm việc thiện, muốn hành bố thí, nhưng lúc ấy thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, cuộc sống mọi người đều sung túc, nên Tiên Thán không tìm ra đối tượng cho ông bố thí.

Về sau, ông nghĩ rằng muốn bố thí không nhất thiết phải trực tiếp dùng đến tiền bạc, bấy giờ trời đang nóng bức, có rất nhiều người ngã bệnh, thì sẵn sóc bệnh nhân, cung cấp thuốc men cho họ là việc đáng làm nhất.

Từ đó về sau, hễ chỗ nào có bệnh nhân rên xiết, xa xôi tới đâu Tiên Thán cũng không ngại lao khổ mà đến tận nơi để an ủi săn sóc họ, hơn nữa, ông còn phát tâm cung cấp hết mọi thứ thuốc thang. Năm này sang năm khác, mấy năm rồi mà tinh thần phụng sự chúng sinh của Tiên Thán trước sau vẫn như một, không lười biếng, không than thở. Vì thế cả nước đều nghe nói tới đức độ của ông và mọi người đồng thanh khen ngợi rằng:

- Tiên Thán thật là một người hiếm có trên thế gian, ông là đại ân nhân của chúng ta, ông như cha mẹ đã sinh chúng ta ra đời lần thứ hai vậy!

Họ còn nói:

- Công đức của Tiên Thán cao hơn trời, dày hơn đất!

Rất nhiều người bệnh nhân nhờ được Tiên Thán ân cần chăm sóc nên hồi phục được sức khỏe mau chóng. Vì thế, những người bệnh từ bốn phương tám hướng đổ về tìm đến cầu cứu ông, ngày càng thêm đông.

Vì Tiên Thán bố thí một cách rộng rãi như thế nên tài sản của ông càng ngày càng suy giảm, và tới một lúc thì cạn kiệt hẳn. Không những ông không có một lời than thở, mà còn vui vẻ đi xứ khác làm ăn, phát nguyện rằng khi nào có tiền sẽ tiếp tục bố thí. Đi được nửa đường ông thấy có rất nhiều cỗ xe đầy cả người bệnh, ông thấy điều lạ lùng bèn hỏi:

- *Quý vị đi đâu vậy?*

- *Chúng tôi bệnh hoạn, muốn tìm tới ông Tiên Thán để cầu xin ông cứu giúp!*

Tiên Thán nghe thế, không suy nghĩ gì thêm mà quay trở về, mượn nhà vua 5 trăm lượng vàng để chữa bệnh cho những chúng sinh đau khổ ấy. Nhờ Tiên Thán chân thành chữa trị cho nên tất cả những người ấy đều hoàn toàn bình phục.

Để tự sinh sống và để cung cấp thuốc men cho người khác, Tiên Thán thắp từng rất nhiều nhà buôn cùng nhau ra nước ngoài làm ăn buôn bán. Lúc đi qua một con đường dài trên sa mạc, rất nhiều người trong đoàn không có nước uống nên đã ngã quỵ bất tỉnh, nhưng thật là không thể tưởng tượng được, ở trong cái sa mạc mênh mông không có một bóng người, Tiên Thán lại kiếm ra được một nguồn nước ngọt. Mỗi lần kiếm ra được nguồn nước ngọt mát mẻ trong trẻo như thế, Tiên Thán lại nhất định nhường cho mọi người uống thỏa thuê xong mới đến phần mình uống một chút.

Với đạo đức và phúc báo của mình, Tiên Thán làm ăn buôn bán rất thành công và dễ dàng. Các tay nhà buôn kia cũng nường vào phúc báo ấy mà kiếm được khá nhiều tiền.

Nào ngờ trên đường về, họ thấy Tiên Thán kiếm được tiền lời nhiều gấp họ mấy lần nên tối tăm mặt mũi, sau khi bàn tính với nhau, họ quyết định đến một cái giếng cổ nọ sẽ đoạt lấy tiền của Tiên Thán và ném ông xuống cái giếng ấy.

Về tới bản xứ, rất nhiều người lấy làm lạ không thấy Tiên Thán về chung với đoàn nhà buôn này. Nhà vua cũng hỏi họ:

- *Không phải các ông cùng với Tiên Thán rời khỏi nước để ra xứ ngoài làm ăn hay sao? Sao Tiên Thán lại chưa về tới?*

- *Chúng tôi không biết, vừa ra khỏi xứ là ông ta tách ra khỏi đoàn chúng tôi.*

Thấy các nhà buôn trả lời một cách áp úng, gượng gạo thì nhà vua đã hiểu rõ hết mọi sự, ông bèn bắt giữ những tay nhà buôn ấy lại và mặt khác sai người đi tìm kiếm mọi nơi.

Tuy bị xô xuống giếng nhưng người thiện luôn luôn có sự giúp đỡ của chư Phật, nên khi ở dưới đáy giếng trong ánh sáng mờ mờ, Tiên Thán thấy bên cạnh có một đường hầm. Ông ép mình lần theo đường hầm ấy mà bò ra, nhờ vậy ông thoát khỏi giếng sâu và thấy lại ánh sáng mặt trời.

Trải qua bảy ngày đêm, Tiên Thán về tới nước của mình, dân chúng rất mừng rỡ. Ông tay không đến gặp nhà vua, vua hỏi:

- *Tại sao ông lại trì trệ như vậy mà không về nước liền? Và tại sao lại còn về tay không?*

Tiên Thán khiêm tốn trả lời:

- *Thần rất hổ thẹn, vì thần vô đạo đức, không có phúc báo nên làm ăn thất bại.*

Nhà vua thừa biết Tiên Thán là người từ bi vị tha, không bao giờ nói ra lời nào có thể gây thiệt hại cho người khác. Vì thế vua cho triệu mấy tay nhà buôn kia tới, muốn dùng hình phạt tàn khốc bắt họ khai:

- *Nếu các ông không thành thật thú tội, ta sẽ trỗi tay trừng trị. Người nào biết mình đã tạo lỗi lầm và biết nhận lỗi, ta có thể giảm khinh hình phạt cho người đó.*

Khi thấy những dụng cụ tra tấn người nào cũng hồn xiêu phách lạc, vì thế không ai dám dấu giếm gì nữa, họ đem chuyện mưu hại Tiên Thán ra trỗi thán khai hết đầu đuôi. Vua nổi giận ra lệnh đem tất cả ra chém chết, Tiên Thán biết được, vội vàng đến cung điện khấu đầu cầu xin nhà vua tha tội cho họ và thả họ ra khỏi tù. Nhà vua trả lời:

- Làm sao có thể khoan thứ cho cái phùng ác ôn như thế? Phải trừng phạt kẻ ác để cảnh giác người khác.

Lời của vua không phải là không có lý, nhưng Tiên Thán vẫn một mực van nài:

- Thỉnh cầu bệ hạ, hãy thương xót những người ấy đã trong một giây phút mù quáng mà phạm tội. Tốt hơn hết là tha thứ cho họ và sau đó dạy họ sám hối sửa lỗi.

Tiên Thán như cha mẹ của mọi người, nên đối với mỗi cá nhân ông đều dùng tâm từ bi che chở mà đối đãi, không nỡ thấy họ phải chịu khổ. Tuy đó là những người tàn ác đã từng hại chính ông, nhưng ông cũng không suy tính so đo, cứ thế mà lo lắng cho họ. Tất cả oán hay thân ông cũng đều coi bằng nhau, vì muốn cho họ có cơ hội hồi đầu và sửa đổi. Những người lái buôn ấy tuy tội rất lớn và tâm địa cực kỳ ác độc, nhưng nếu biết sám hối thì cũng được cứu. Mỗi người chỉ cần sửa lỗi, thì bao giờ cũng có hy vọng sống.



41- KIẾN ĐẠT ĐA ÍCH KỶ

Có một hôm Đức Phật đi dạo bên bờ hồ sen. Lúc ấy buổi sáng sớm, gió nhẹ thổi, hương sen phảng phất. Từ dung của Đức Phật như trăng rằm, ngài chăm chú nhìn giữa hồ sen, thấy hoa sen hàm tiếu nở đầy hồ, nước xanh trong vắt, lấp lánh ánh sáng.

Bỗng nhiên, bằng huệ nhãn Ngài nhìn thấu qua đáy hồ và thấy cảnh địa ngục.

Trong địa ngục bốn phía đen ngòm có một hồ máu đỏ tanh tươi, trong đó ngàn vạn tội nhân đang chìm nổi, khóc than thảm thiết, có kẻ thì sức lực cạn kiệt mệt mỏi, có kẻ thì gãy dũa vùng vẫy. Giữa đám tội nhân ấy, Đức Phật nhìn ra một người mạnh khỏe nhất, tên là Kiến Đạt Đa, cũng đang hết sức vùng vẫy gãy dũa.

Kiếp trước, Kiến Đạt Đa là một tên tướng cướp chuyên môn đốt nhà và giết người, không có tội ác nào mà hắn không nhúng tay vào, vì tội ác đầy đầy chồng chất mà phải đọa xuống địa ngục.

Nhưng có một lần, sau một vụ cướp của đốt nhà, trên đường về hắn thấy một con nhện nhện đang từ từ bò ngang qua đường. Khi hắn vừa đưa chân lên tính đạp xuống kết liễu mạng sống của con nhện, bỗng nhiên hắn khởi lên một niệm lành trong tâm "*Con nhện nhỏ bé này cũng có sinh mệnh, cho nó chết giữa đường kẻ cũng tội nghiệp, thôi hôm nay ta tha cho nó, làm phước một phen!*" Con nhện dưới chân hắn vội ba chân bốn cẳng chạy bán mạng tìm đường sống.

Khi Đức Phật quan sát tới việc thiện của hắn, Ngài tìm cách cứu Kiến Đạt Đa ra khỏi địa ngục. Vừa khéo, một con nhện của thế giới Cực Lạc đang giăng một sợi tơ bạc tuyệt đẹp giữa những cành hoa. Đức Phật bèn nắm lấy sợi tơ bạc ấy, và thả từ hồ sen xuống tận địa ngục.

Địa ngục đen ngòm không chút ánh sáng, dễ sợ như một ngôi nhà mồ, chỉ thấy có một vài bộ mặt hung ác góm ghiếc và vô số tội nhân như những hạt cát chìm nổi trong hồ máu, bò trườn vằn vẹo như những con trùng.

Kiên Đạt Đa vốn khoẻ mạnh, vô tình ngẩng đầu lên, thấy giữa không gian đen ngòm có một lần ánh sáng chiếu xuống đỉnh đầu hắn. Như gặp được cứu tinh hắn mừng rỡ nghĩ rằng:

- Ê, đây không phải là một sợi tơ nhện từ cõi trời xa thăm thẳm kia đang từ từ hạ xuống hay sao? Giả sử như ta bám được sợi tơ nhện này rồi cứ thế mà leo lên, làm gì mà không thoát được địa ngục và trèo lên tới thế giới Cực Lạc?

Nghĩ thế xong, hắn bèn hai tay nắm lấy sợi tơ nhện, rồi vận dụng hết sức lực cố gắng trèo lên. Cái nghề trèo cây đu cành vốn là nghề của một tên tướng cướp như hắn, nên hắn trèo một cách dễ dàng như ăn cơm bữa!

Nhưng khoảng cách giữa địa ngục và Cực Lạc thế giới sao mà xa xôi diệu vợi, dẫu ráng tới đâu cũng không thể trong một lúc mà leo tới được. Sau một khoảng thời gian dài, Kiên Đạt Đa từ từ thấm mệt, hắn đành phải lơ lửng giữa hư không mà nghỉ ngơi.

Lơ lửng giữa hư không như thế, Kiên Đạt Đa thuận mắt nhìn xuống phía dưới. Hồ máu trong địa ngục bây giờ đã chìm ản trong một màu đen sâu thẳm, mù mờ không thấy rõ nữa. Kiên Đạt Đa lòng như nở hoa, mừng rỡ cất tiếng cười hô hô.

Đột nhiên hắn thấy phần dưới của sợi tơ nhện có vô số tội nhân hiện đang lũ lượt như đàn kiến theo gương hắn cố gắng trèo lên. Hắn kinh hoàng phần nộ tự bảo "*Mỗi một mình ta trèo mà còn sợ sợi tơ nhện mong manh kia đứt mất, huống chi với sức nặng của từng đống người! Nếu chẳng may sợi tơ nhện đứt thì tất cả những cố gắng và hy vọng của ta sẽ tan thành bọt nước, để rồi lại phải rơi xuống địa ngục chịu khổ nữa!*" Lũ tội nhân vẫn hàng hàng lớp lớp không ngừng trèo lên, càng lúc càng đông. Kiên Đạt Đa cuống quýt vừa sợ vừa giận, nổi sân hận la hét om sòm:

- Ê! Ê! Cái lũ tội nhân kia! Sợi tơ nhện này là của ta khám phá, nó thuộc quyền sở hữu của ta! Ai cho phép bọn bây trèo lên? Đi xuống! Đi xuống!

Vừa dứt lời, sợi tơ nhện bỗng đứt ngay ở phía trên chỗ Kiên Đạt Đa đang nắm.

Tên Kiên Đạt Đa ích kỷ kia giữa hư không xoay tít mấy vòng, rồi rơi tồm xuống địa ngục trở lại. Phần tơ nhện còn lại vẫn óng ánh, lấp lánh trong địa ngục tối tăm lặng im như

cõi chết, nhưng quá xa tầm tay với của tội nhân, như một con diều lơ lửng cao vút trong không trung.

Khuôn mặt từ bi của Đức Phật liền phủ lên một thoáng buồn. Ngài khẽ lắc đầu thở dài một tiếng.

Hoa sen nở đầy hồ vẫn tỏa hương ngào ngạt, lá sen mềm mại vẫn xanh mơn mớn, mà lòng xót thương từ bi của Đức Phật thì cứ vẫn dạt dào.



42- LÀM CHỨNG GIAN

Có một hôm Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang thuyết pháp độ sinh ở núi Linh Thứu, thành Xá Vệ, thì từ bên ngoài truyền vào một cái tin kỳ lạ khiến dân chúng trong cả thành Xá Vệ đâu đâu cũng xôn xao bàn tán.

Tin ấy như sau: Trong gia đình phú ông nọ mới sinh ra một đứa bé trai, nhưng kỳ lạ thay, thằng bé sinh ra không có tai, không có mắt, không có cả tay chân, và bất hạnh hơn nữa là hơn một trăm ngày trước khi nó ra đời thì cha nó mất đi. Vì thế tuy nó có 5 người chị nhưng trong nhà không có huynh trưởng, và gia sản tiền muôn bạc vạn ấy là do đứa bé trai tay chân và năm căn không đầy đủ ấy thừa hưởng. Như thế thì phải nói phúc báo của nó không phải là ít, nhưng không biết kiếp trước nó đã tạo nên tội ác nào để hôm nay mang một hình hài khôn khổ đến đường ấy? Các đệ tử của Phật nghe chuyện ấy, vội chạy tới gặp Phật thỉnh Ngài giải thích căn duyên.

Đức Phật là bậc đại giác, trong vũ trụ không có chuyện chi mà Ngài không biết, không hiểu rõ ngọn nguồn. Hôm ấy, nhìn các vị đệ tử đang ngồi xung quanh bốn bề, Ngài từ hòa nói:

- Ta vui lòng thuyết giảng cho các ông biết về sự việc mà các ông mới được nghe nói đó.

Chuyện này xảy ra trong một kiếp rất lâu xa về trước. Lúc ấy có một vị phú ông sinh ra hai cậu con trai, người anh tên là Đàn Nhược, người em tên là Thi La.

Đức Phật ngừng lại một lúc rồi tiếp tục nói:

- Từ thuở bé Đàn Nhược đã rất thành thật, trung tín, tính tình lại rộng rãi, thích bố thí, thấy việc nghĩa thì dững cảm ra tay hành động ngay. Người trong thành ai cũng tán thán, danh tiếng của chàng ngày càng lan xạ. Khi vua nước ấy nghe tiếng một người hiền đức như thế thì cho người dò xét khắp nơi xem điều ấy có thật hay không? Khi biết được danh ấy không phải là hư truyền, vua phái sứ thần mời Đàn Nhược lên kinh thành và

phong cho chàng quan chức "Bình Sự", đó là tên vua đặt cho người công minh chính đại duy nhất trong cả nước.

Căn cứ theo luật pháp đương thời của nước ấy, trong dân gian ai có mượn tài sản vật dụng gì của ai thì không cần lập khế ước văn tự hay viết tờ giấy nợ, chỉ cần đến trước mặt quan Bình Sự xin chứng minh cho là đủ. Cho tới cả những chuyện tranh cãi, kiện tụng, nếu không tự giải quyết với nhau được thì cũng đưa nhau ra trước mặt quan Bình Sự, nhờ ông phán quyết một cách công bình. Trong cái thời chưa có luật pháp, chưa có công ước như thế, quan Bình Sự phán quyết như thế nào thì mọi người phải tuyệt đối theo đó phục tùng.

Trước khi mời được Đàn Nhưộc về làm quan Bình Sự thì nhà vua đã phải tự mình giải quyết, xử lý hết mọi chuyện lớn nhỏ trong nước. Nay có quan Bình Sự đảm nhiệm việc ấy, dĩ nhiên vua đỡ được rất nhiều rắc rối phiền phức.

Nhưng Đàn Nhưộc từ khi giữ chức Bình Sự thì trách nhiệm thật là trọng đại, khiến ông bận bịu cả ngày, thường ăn không ngon, ngủ không yên nữa.

Đã vậy, không những ông không hưởng được bổng lộc của triều đình cũng không ăn đồng trinh nào của người dân, mà có khi, để giải quyết một sự việc nào đó cho ổn thỏa, ông còn phải móc tiền từ chính hậu bao của mình ra để giải hòa mọi xích mích.

Một người có quyền lực, có khả năng giải trừ mọi tranh chấp giữa người dân và giúp vua giữ gìn chính nghĩa, thật xứng đáng được mọi người kính trọng.

Nhưng chỉ một lần hành động sai quấy, Đàn Nhưộc đã mất lòng tin cậy của một số dân chúng và theo nguyên tắc nhân quả, đã chiêu cảm cái thống khổ của ngày hôm nay.

Nguyên nhân là vì lúc ấy có một nhà buôn rất nghèo, muốn tìm một vài người cùng ra nước ngoài làm ăn. Nhưng muốn thế cần phải có rất nhiều vốn, trước hết phải chuẩn bị một con tàu lớn, rồi tìm người dẫn đường, thuê người chèo thuyền, mua sẵn lương thực và đồ dùng cần thiết lúc ở giữa biển. Phải chuẩn bị quá nhiều thứ, phải cần quá nhiều vốn, nhà buôn nghèo cùng kia cảm thấy đau cả đầu! Để sống cho qua ngày đã là một điều khó khăn quá rồi, số tiền to lớn kia tìm đâu ra đây? Cuối cùng ông cũng tìm ra một cách.

Số là ông quen biết nhiều với Thi La, em trai của quan Bình Sự Đoàn Nhược. Không ai là không biết là hai anh em nhà này đã chia nhau một gia tài kếp sù. Thế mà tuy có tiền, Thi La là một nho sĩ đọc sách, thành thật chất phác, không biết và cũng không thích buôn bán làm ăn, kinh doanh kiếm thêm tiền. Vì vậy, nhà buôn nọ nghĩ rằng tốt hơn hết là tìm tới Thi La.

Ông dùng lời mềm mỏng khéo léo để thuyết phục gia đình Thi La cho ông mượn một số tiền, rồi khi ông buôn bán thành công sẽ hoàn tiền lại cộng với lợi tức nữa. Những lời đường mật của nhà buôn đã làm cho Thi La động lòng, ông còn nói thêm:

- Bạn chỉ cần xuất một số tiền, phần còn lại một mình tôi lo liệu, bạn cứ yên tâm ở nhà chờ tôi làm ăn thành công trở về, tôi sẽ lập tức đem tiền vốn và tiền lời tới tận nhà trả cho bạn.

Thi La vốn là một người thật tình nên bằng lòng ngay. Khi chuẩn bị xong số tiền, Thi La bèn đem con trai của mình cùng nhà buôn kia tới nhà người anh là quan Bình Sự, nhờ anh chứng minh cho:

- Có một nhà buôn tên là... muốn ra nước ngoài làm ăn, cần tới một vạn đồng tiền vàng. Khi làm ăn thành công rồi ông ta sẽ lập tức đem tiền về trả cho em, cộng thêm một số tiền lời. Em đã chấp thuận lời ông ta yêu cầu. Nếu lúc ấy em còn sống thì quá tốt, ông ta chỉ cần trả cho em. Nếu em có qua đời, thì số tiền ấy phải giao lại cho con trai em đây. Xin quan Bình Sự vui lòng làm người chứng.

Quan Bình Sự gật đầu chấp thuận. Nhà buôn nhận tiền rồi, chuẩn bị linh đình và khi mọi sự sẵn sàng thì lên tàu ra biển. Không ngờ trời không thuận lòng người, tàu ra giữa biển thì thành linh gặp gió to bão lớn, lật úp tàu xuống khiến người trên tàu bị rơi xuống nước. Về sau tuy được cứu sống, nhưng nhà buôn nọ trở về tay không, thân thể tuy không hề hấn gì mà một đồng xu cũng không còn. Không có cách gì trả nợ đã đành, mà sinh sống cũng vô cùng khó khăn.

Bạn bè thân thích của ông ai cũng nhiều lần khuyến khích ông ra nước ngoài làm giàu một lần nữa, họ nói rằng kẻ nào bị tai nạn lớn mà không chết thì về sau hưởng đại phúc.

Nhà buôn tin những lời nói ấy, lấy lại can đảm, tìm cách tụ vốn và ấn định ngày xuất hành.

Ra nước ngoài lần thứ hai ông may mắn hơn, gió thổi thuận chiều, chỉ mấy tháng sau là ông làm ăn thành công, trở về với vàng bạc đầy rương.

Thi La thì bất hạnh, trong thời gian ấy đã ra người thiên cổ. Khi nhà buôn kia về tới cố hương, nghe tin Thi La không còn nữa thì gạt luôn chuyện trả nợ ra khỏi đầu và tiếp tục lo làm giàu. Một chuyến, rồi thêm một chuyến nữa đi xa, nhà buôn nợ từ từ kiếm được thật nhiều tiền, bây giờ không những không cần lo tới miếng cơm manh áo, mà mái nhà tranh lúc trước nay đã biến thành một tòa nhà to lớn hoa lệ, vật dụng cần thiết trong nhà dư dả, đời sống trở nên xa xỉ, từ một nhà buôn nghèo cùng ông đã trở thành một tay cự phú, tiền rùng bạc biển.

Có một hôm, người con trai của Thi La gặp nhà buôn nợ giữa đường, thấy ông này ăn mặc xa hoa, dáng điệu sung túc, cưỡi con tuấn mã vung roi ngựa chạy qua mặt cậu, cậu bèn vội chạy tới gọi lại để đòi món nợ ngày trước. Nhà buôn trả lời vài ngày nữa sẽ đến tận nhà cậu để thôn tính chuyện nợ nần.

Chiều về tới nhà, nghĩ tới việc trả nợ, nhà buôn nghĩ rằng "nếu trả tiền cho hắn thì tài sản của ta sẽ sa sút rất nhiều", lúc trước mượn một vạn đồng tiền vàng, nay cộng thêm tiền lãi thì con số phải trả sẽ trở nên kinh khủng!

Ông bèn nảy ra một ý nghĩ xấu xa : lúc mượn tiền không có khế ước văn tự gì làm chứng, chỉ có mỗi một người là quan Bình Sự chứng minh. Nay làm sao để quan đừng chứng minh cho nữa thì vấn đề sẽ được giải quyết êm đẹp. Người con của Thi La không có bằng chứng thì hắn làm gì được ta nữa?

Thế rồi ông nghĩ ra một mưu kế để bắt quan Bình Sự làm theo ý mình.

Tay nhà buôn vô lương tâm đó biết rằng vợ của Đan Nhược Bình Sự rất thích nữ trang, bèn nắm lấy nhược điểm đó, cầm một viên ngọc quý đến thăm Bình Sự phu nhân. Khi gặp phu nhân nhà buôn nói :

- Tôi có viên ngọc báu trị giá ngàn vàng, xin kính tặng phu nhân, nhưng lại có một điều cần đến sự giúp đỡ của phu nhân.

Nói tới đây nhà buôn ngừng lại một chút, nhìn phu nhân dò xét phản ứng, rồi nói tiếp:

- Điều ấy rất đơn giản, chỉ xin phu nhân nói với quan Bình Sự một tiếng, nói ông đừng chứng minh là tôi có mượn tiền cháu ông ấy là xong.

Phu nhân nhìn viên ngọc ưa thích vô cùng, nhưng trước một việc vô đạo đức như thế, đối với lương tâm coi không được, hơn nữa bà thừa biết rằng quan Bình Sự làm việc rất quang minh chính đại, nên bà miễn cưỡng trả lời:

- Quan Bình Sự cả đời chính trực, việc này tôi e rất khó, đợi tới nay nhà tôi về tôi nói thử một tiếng xem sao!

Tới đến quan Bình Sự Đàn Nhượng về nhà, phu nhân đem lời yêu cầu của nhà buôn ra xin quan Bình Sự thỏa thuận cho, nhưng quan Bình Sự không đồng ý làm cái chuyện thất đức ấy.

Hôm sau, nhà buôn lại đến, tay cầm một viên ngọc châu to hơn, đẹp hơn viên hôm trước. Tuy đêm qua quan Bình Sự đã từ chối, nhưng trước một viên ngọc quý trị giá 5 ngàn tiền vàng, phu nhân làm sao bỏ qua cho nổi. Chỉ một lời nói là viên ngọc ấy về tay mình, phu nhân hoàn toàn bị mê hoặc, nên không suy nghĩ gì thêm, bà ưng thuận giúp đỡ cho nhà buôn được toại nguyện. Khi Đàn Nhượng về tới nhà, phu nhân dùng lời ngọt ngào dịu dàng khuyên dụ chồng nhưng không có kết quả, cuối cùng bà đem bản lĩnh của một người đàn bà ra thi thố, một là khóc lóc, hai là cãi cọ, ba là treo cổ tự tử. Lúc ấy quan Bình Sự Đàn Nhượng bị đẩy vào đường cùng. Để giữ hòa khí trong gia đình, ông không làm gì khác hơn là cùng phu nhân chôn vùi lương tâm, làm cái chuyện tham lam, thất đức kia.

Hôm sau con trai của Thi La kéo người nhà buôn đến gặp quan Bình Sự, yêu cầu quan làm chứng, nhưng lương tâm Đàn Nhượng đã bị mê muội:

- Đầu óc ta nay đã lẫn mất rồi, ta không hề nhớ tới chuyện ấy!

Lần ấy quan Bình Sự Đản Nhược đã làm một chuyện xấu ác, nên chết rồi bị đọa địa ngục, chịu tất cả mọi thống khổ. Nay tuy sinh trong cõi người nhưng đời đời kiếp kiếp phải chịu phần số năm căn không đầy đủ như thế. Nhưng trong quá khứ, ông cũng đã từng là một người thích bố thí, nên được sinh trong một gia đình giàu sang.

Một người mà năm căn không đầy đủ thì có nhiều tiền bạc để làm gì Cho nên có câu nói "một lần sa ngã là hận thiên thu".

Xử sự không công bằng, làm chứng gian, có thể lừa gạt được người khác nhưng làm sao lừa gạt được nhân quả!

